PHỤ LỤC 17A: Công văn Số: 69/BCĐTW-VP, ngày 16 tháng 3 năm 2009 của Ban chỉ đạo TW về việc hoàn thành một số công tác trọng tâm trước thời điểm Tổng điều tra

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**
Số: 69/BCĐTW-VP *V/v hoàn thành một số công tác trọng tâm trước thời điểm TĐT*	*Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2009*

Kính gửi: Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Công tác chuẩn bị cho cuộc Tổng điều tra đang được triển khai thực hiện khẩn trương, tích cực trong cả nước. Trong quá trình thực hiện đã xuất hiện nhiều kinh nghiệm tốt, nhiều cách làm sáng tạo đáng được phổ biến để học tập, đồng thời cũng bộc lộ những điểm yếu, bất cập cần được rút kinh nghiệm kịp thời. Cụ thể là:

1. Công tác phân định địa bàn điều tra, vẽ sơ đồ và lập bảng kê

Ưu điểm:

- Thành công lớn nhất của công tác này là đã giảm thiểu chênh lệch giữa số hộ và số nhân khẩu thu thập từ kết quả vẽ sơ đồ/lập bảng kê so với số liệu tính toán chính thức của Tổng cục Thống kê. Kết quả báo cáo của các tỉnh/thành phố phản ánh xu hướng rõ rệt và đúng thực tế là: những tỉnh có mức nhập cư cao thì dân số tăng mạnh, ngược lại những tỉnh có mức xuất cư lớn thì dân số có xu hướng giảm đi;
- Hầu hết các tỉnh/thành phố đã chỉ đạo sát sao quá trình vẽ sơ đồ/lập bảng kê ở cấp cơ sở, phối hợp chặt chẽ với ngành Tài nguyên và Môi trường khai thác tốt hệ thống bản đồ số để phân định và vẽ sơ đồ địa bàn điều tra;
- Nhiều tỉnh, thành phố đã áp dụng tốt "Quy trình xác định nhân khẩu thực tế thường trú" để xác định số hộ và số nhân khẩu, vì vậy kết quả số hộ và số nhân khẩu ở đây khá chắc chắn, không phải điều chỉnh lên xuống nhiều lần;
- Nhiều tỉnh/thành phố đã nghiêm túc trong nghiệm thu kết quả, địa bàn nào không đạt yêu cầu đã kiên quyết yêu cầu làm lại.

Thiếu sót:

- Tại nhiều địa phương, nhiều cán bộ vẽ sơ đồ/lập bảng kê đã không đến hộ để phỏng vấn theo quy trình mà sao chép số hộ và số nhân khẩu từ "Sổ hộ khẩu", vì vậy Ban chỉ đạo tỉnh/thành phố phải xác minh, điều chỉnh nhiều lần;
- Nhiều tỉnh/thành phố không sử dụng hệ thống bản đồ số, không thực hiện đúng quy trình nên cả sơ đồ nền và sơ đồ địa bàn điều tra thường kém chính xác (nhất là khu vực nhà trọ ở Đông Nam bộ);

- Tiến độ của một số tỉnh/thành phố quá chậm, ảnh hưởng tiến độ chung.

Kế hoạch sắp tới:

- Để tránh trùng và sót, việc áp dụng "Nguyên tắc 6 tháng" đối với người đi làm ăn ở địa phương khác phải được quán triệt cả ở nơi xuất cư và nhập cư;

- Về đối tượng điều tra, những người gốc Hoa, Lào, Khơ me…tuy chưa nhập quốc tịch Việt Nam, nhưng thực tế đã sinh sống ở Việt Nam trên 20 năm, họ đã hội nhập cộng đồng, có ý định sinh sống lâu dài ở Việt Nam và lâu nay vẫn thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước thì Ban chỉ đạo tỉnh/thành phố cần xem xét cụ thể để điều tra cả đối tượng này;

- Trong thời gian 10 ngày cuối tháng 3/2009, Ban chỉ đạo các cấp phải tập trung chỉ đạo và thực hiện nghiêm chỉnh Công văn số 60/BCĐTW ngày 05/3/2009 của Ban chỉ đạo Trung ương về việc "*chỉ đạo rà soát và hiệu chỉnh kết quả vẽ sơ đồ, lập bảng kê*", báo cáo kết quả về Ban chỉ đạo Trung ương chậm nhất vào ngày 31/3/2009;

- Ban chỉ đạo cấp huyện cần cử cán bộ đến làm việc với đại diện các khu công nghiệp/chế xuất/doanh nghiệp/tập thể lực lượng vũ trang…đóng trên phạm vi địa bàn quản lý để xác định số hộ/nhân khẩu thực tế thường trú trong đó, giúp cho điều tra viên dễ dàng tiếp cận các đơn vị này trong bước điều tra.

2. Công tác tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên, tổ trưởng và cán bộ giám sát Tổng điều tra

Ưu điểm:

- Đa số các tỉnh/thành phố đã quản lý tốt các khoá tập huấn, giữ nghiêm nội quy lớp học, thực hành trên lớp và trên thực địa đầy đủ, tổ chức "lớp tập huấn mẫu" để rút kinh nghiệm cho các lớp sau. Vì vậy, kết quả học tập khá cao (nhìn chung đạt trên 90%);

- Hầu hết các lớp tập huấn đã sử dụng máy chiếu để chuyển tải nội dung tập huấn, trình chiếu đĩa DVD hỗ trợ cho tập huấn, sử dụng tốt mẫu A_0 phiếu điều tra. Việc sử dụng tốt các phương tiện nghe-nhìn trong tập huấn đã nâng cao hiệu quả, gây ấn tượng và giúp học viên dễ tiếp thu. Nhiều nơi đã tổ chức "lớp vét" hoặc "lớp nhắc lại kiến thức" vào cuối đợt tập huấn;

- Nhiều địa phương đã tăng cường giám sát các lớp tập huấn, nhiều giảng viên cấp tỉnh đã dự đầy đủ các lớp tập huấn, quan tâm giúp đỡ giảng viên các quận/huyện yếu;

- Văn phòng BCĐTW đã thường xuyên trao đổi, góp ý trực tiếp (qua điện thoại, email, trang thông tin tác nghiệp TĐT) và chỉ đạo bằng văn bản, kết hợp với mạng lưới giám sát viên của TCTK và UNFPA đã phát hiện, góp ý và uốn nắn kịp thời các sai sót về nghiệp vụ của các cấp. Vì vậy, tính thống nhất trong tập huấn nghiệp vụ được nâng lên.

Thiếu sót:

- Một số tỉnh/thành phố không theo đúng hướng dẫn về phân công trách nhiệm điều tra, đã nhất loạt giao mỗi điều tra viên phụ trách 01 địa bàn điều tra, vì vậy số lượng

điều tra viên và tổ trưởng ở đây quá lớn, gây nhiều khó khăn cho công tác tuyển chọn, tập huấn và quản lý điều tra viên;

- Nhiều địa phương không sử dụng máy chiếu cho trình bày, không dùng đĩa DVD hỗ trợ tập huấn nghiệp vụ, thậm chí không sử dụng "Sổ tay đào tạo" và các mẫu khổ A0 cho công tác tập huấn;

- Nhiều địa phương không chú ý tập huấn cho điều tra viên và tổ trưởng sử dụng băng xoá, sẽ gây trở ngại cho lực lượng này trong bước điều tra, khó bảo đảm chất lượng ghi phiếu để áp dụng công nghệ quét;

- Một số địa phương chưa tổ chức tốt các lớp tập huấn: quy mô lớp học quá đông, thiếu bàn, lỏng lẻo trong quản lý nội quy lớp học, chưa bố trí lực lượng giám sát và hỗ trợ các lớp tập huấn cho cấp xã. Vì vậy, nhiều vấn đề nghiệp vụ rất đơn giản đã được trình bày kỹ trong tập huấn và trong tài liệu (sổ tay) nhưng giảng viên vẫn chưa nắm chắc, phải điện hỏi lên cấp trên nhiều lần;

- Nhiều tỉnh/thành phố triển khai tập huấn cho cấp huyện và đặc biệt là cho cấp xã quá chậm, vì vậy có nhiều tỉnh dự kiến phải tới 27/3 mới hoàn thành. Qua giám sát thấy rằng các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên cần tăng cường chất lượng tập huấn hơn nữa.

Kế hoạch sắp tới:

Ban chỉ đạo cấp tỉnh phải bố trí ngay lực lượng giám sát để tăng cường cho các huyện yếu, rút kinh nghiệm ngay việc tổ chức, quản lý lớp học vừa qua, sử dụng đầy đủ các thiết bị và sản phẩm nghe-nhìn hỗ trợ cho tập huấn đã được cung cấp, nhất thiết phải cho học viên sử dụng băng xoá và tổ chức thực hành chu đáo (cả trên lớp và tại thực địa). Nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc cần hỗ trợ của cấp Trung ương, đề nghị báo cáo ngay về BCĐTW để xem xét giải quyết.

3. Công tác hậu cần

Ưu điểm:

- Hầu hết các tỉnh/thành phố đã chủ động bố trí trụ sở, phương tiện và phòng làm việc/bảo quản tài liệu khá chu đáo, đã tranh thủ được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương về kinh phí, phương tiện, trụ sở làm việc, hội trường tập huấn,…;

- Nhìn chung, các tỉnh/thành phố đã chủ động tiếp nhận và bảo quản, phân phối tài liệu, phương tiện điều tra chu đáo.

Thiếu sót:

- Nhiều địa phương chưa bố trí đủ chỗ làm việc và bảo quản/lưu giữ tài liệu, chưa chủ động báo cáo lãnh đạo địa phương (Trưởng Ban chỉ đạo) để giải quyết, hỗ trợ (nhất là hội trường cho tập huấn);

- Việc chuẩn bị phương tiện/thiết bị cho các lớp tập huấn vừa qua ở nhiều tỉnh/huyện chưa tốt và không được xử lý kịp thời, ảnh hưởng đến chất lượng tập huấn. Tình hình này phải được khắc phục ngay để sử dụng tốt các phương tiện/sản phẩm trang bị cho công tác tuyên truyền đã được BCĐTW cấp cho các cấp;

- Về mặt khách quan, Bộ Tài chính chậm phê duyệt tổng dự toán và phân bổ kinh phí chi tiết để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định theo quy định của Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg đã gây nhiều khó khăn cho việc triển khai thực hiện các hoạt động chuẩn bị của cuộc Tổng điều tra;

- Thùng cát tông đựng phiếu chuyển đến một số tỉnh miền núi phía Bắc vừa qua đã bị bẩn và rách, cần cẩn trọng hơn nữa trong quá trình chuyển tài liệu.

Kế hoạch sắp tới:

Trước mắt, công tác tuyên truyền, điều tra và giám sát được thực hiện với cường độ cao và khẩn trương; sẽ tiếp nhận và bảo quản, phân phối một khối lượng lớn các loại tài liệu, phiếu và văn phòng phẩm. Vì vậy, Ban chỉ đạo các cấp phải chuẩn bị chu đáo các điều kiện vật chất, bảo đảm yêu cầu triển khai thực hiện khối lượng công việc to lớn và khẩn trương.

4. Công tác tuyên truyền

Ưu điểm:

- Căn cứ Chỉ thị số 27-CT/TW của Ban Bí thư về việc lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc TĐTDS và nhà ở 2009, tỉnh uỷ/thành uỷ và các cấp uỷ trực thuộc của nhiều địa phương đã ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo và kiểm điểm tình hình triển khai của Ban chỉ đạo các cấp về tiến độ và chất lượng thực hiện;

- Căn cứ Chỉ thị số 19/2007/CT-TTg và Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND và Ban chỉ đạo các cấp đã thường xuyên đôn đốc, kiểm tra giám sát tình hình triển khai công tác chuẩn bị. Nhiều tỉnh đã huy động lực lượng của Bộ Tư lệnh Biên phòng, Sở Giáo dục-đào tạo, các cơ quan truyền thông của địa phương tích cực tham gia công tác TĐT nói chung và công tác tuyên truyền nói riêng;

- Căn cứ Sổ tay hướng dẫn công tác tuyên truyền, các văn bản hướng dẫn khác và các sản phẩm/phương tiện tuyên truyền do BCĐTW cấp và hướng dẫn, nhiều tỉnh đã lập kế hoạch tuyên truyền, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thông tin đại chúng ở địa phương chủ động phát huy có hiệu quả các phương tiện/sản phẩm được cấp, tranh thủ sự hỗ trợ của lãnh đạo địa phương, phối hợp với BCĐTW triển khai tốt công tác tuyên truyền.

Thiếu sót:

- Nhiều tỉnh/thành phố còn thụ động, không biết khai thác các tài liệu hướng dẫn và các sản phẩm/phương tiện tuyên truyền do BCĐTW cấp; chưa chú ý phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan ở địa phương, chưa báo cáo và tranh thủ được sự ủng hộ/hỗ trợ của UBND địa phương;

- Về khách quan, nhiều cơ quan chức năng (như Giáo dục-đào tạo, các cơ quan quản lý và thực hiện công tác tuyên truyền ở địa phương…) chưa chủ động triển khai thực hiện trách nhiệm của mình đã quy định tại Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg và Chỉ thị số 27-CT/TW.

Kế hoạch sắp tới:

Căn cứ kế hoạch và các phương tiện/sản phẩm tuyên truyền đã được cung cấp, Ban chỉ đạo các cấp cần triển khai ngay công tác tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, cụ thể là:

- Nhanh chóng chuyển các loại đĩa quảng bá, đĩa mêtacam, đĩa hỏi-đáp và 4 bài hát về Tổng điều tra dân số, biểu trưng (logo), pa-nô, áp phích, tài liệu,… phục vụ công tác tuyên truyền đến các địa chỉ theo đúng số lượng và đối tượng sử dụng;

- Dựng ngay các loại pa-nô tại các địa điểm tập trung đông người; treo băng rôn, phướn ở các trục đường chính; dán các loại áp phích, logo đúng địa điểm quy định;

- Đài truyền hình và đài phát tranh ở Trung ương và địa phương phát chương trình tuyên truyền theo lịch phát sóng đã quy định, các cơ quan thông tin đại chúng khác thu thập và đưa tin liên tục về cuộc Tổng điều tra;

- Ban chỉ đạo cấp xã tổ chức họp dân, phát trên loa truyền thanh địa phương để tuyên truyền, giải thích cho nhân dân hiểu, ủng hộ cuộc Tổng điều tra.

Triển khai chiến dịch tuyên truyền rộng khắp bằng nhiều thứ tiếng dân tộc trong suốt thời gian từ 15/3 đến 20/4/2009.

5. Công tác chỉ đạo, kiểm tra giám sát, bảo đảm an toàn cho cuộc Tổng điều tra

Ưu điểm:

- Đa số các Cục Thống kê đã huy động tổng lực các phòng nghiệp vụ tham gia TĐT, quan tâm hỗ trợ các huyện và các xã yếu, tăng cường kiểm tra và giám sát các bước công tác;

- Đến nay Bộ Công an đã có kế hoạch bố trí lực lượng bảo đảm an toàn cho cuộc Tổng điều tra;

- Tổng cục Thống kê đã bảo đảm các định mức chi theo đúng Thông tư số 48 của Bộ Tài chính, triển khai cơ bản xong 4 gói thầu (in ấn và phân phối tài liệu tập huấn, phiếu điều tra và túi/cặp/hộp bảo quản phiếu điều tra, văn phòng phẩm, thiết bị xử lý bằng công nghệ quét);

- Trong quá trình chuẩn bị, những khó khăn phát sinh về thuê hội trường cho các khoá tập huấn, khả năng thiếu phiếu điều tra ở một số tỉnh/thành phố đã được phát hiện và bổ sung kịp thời, việc vận chuyển phiếu và tài liệu/thiết bị/băng đĩa…cho bước vẽ sơ đồ và lập bảng kê/tập huấn/điều tra/tuyên truyền/xử lý số liệu đầy đủ, đúng chất lượng yêu cầu;

- Để đề phòng vấn đề phức tạp về tôn giáo như đã xảy ra trong TĐT 1999, Ban chỉ đạo Trung ương đã hướng dẫn một số tỉnh Tây Bắc về nguyên tắc và cách tiến hành điều tra chỉ tiêu Tôn giáo.

Thiếu sót:

- Một số Cục Thống kê chưa huy động hết các phòng nghiệp vụ tham gia các bước công tác, chưa chú ý khâu kiểm tra giám sát, vì vậy còn hạn chế trong việc phát hiện vấn đề để uốn nắn kịp thời, chưa quan tâm hỗ trợ các huyện/thị yếu;

- Việc dự báo tình hình và phát hiện các vấn đề phức tạp, các điểm nóng về an ninh chính trị (liên quan đến vấn đề đất đai, tôn giáo, dân tộc,…) có thể ảnh hưởng xấu đến cuộc TĐT chưa được quan tâm đúng mức, tình hình xảy ra vừa qua ở Đồng Nai, Tây Ninh và một vài nơi khác chứng tỏ điều đó.

Kế hoạch sắp tới:

- Triển khai tổng lực trên diện rộng kết hợp với tập trung chỉ đạo giám sát, hỗ trợ thích hợp đối với các địa bàn, địa phương yếu, có nhiều khó khăn;
- Phối hợp với ngành Công an lập kế hoạch bảo đảm an toàn, an ninh cho cuộc Tổng điều tra, nhất là tại các địa bàn có vấn đề về an ninh chính trị, những nơi có nhiều bất ổn trong quá trình thực hiện các chính sách kinh tế-xã hội ở địa phương; tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền đối với các chức sắc và đồng bào giáo dân, vùng đồng bào dân tộc,… mà kẻ địch thường lợi dụng kích động, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc.

Thời gian tới thời điểm Tổng điều tra đã cận kề, Ban chỉ đạo các cấp, các ngành cần khẩn trương hoàn thành dứt điểm các công tác chuẩn bị để sẵn sàng cho bước điều tra thu thập thông tin tại địa bàn./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Thường trực BCĐTW (để báo cáo);
- VPTC, KHTC, Th.tra, CS&SK (để phối hợp);
- UNFPA (để biết);
- Lưu VPBCĐTW.

TL. TRƯỞNG BAN
CHÁNH VĂN PHÒNG

(Đã ký)

Đồng Bá Hướng

PHỤ LỤC 17B: Báo cáo Tổng kết Tổng điều tra trình bày tại Hội nghị công bố kết quả điều tra toàn bộ và tổng kết Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, Hà Nội ngày 21/7/2010

BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TỔNG KẾT

TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2009

(Hội nghị công bố kết quả điều tra toàn bộ và tổng kết Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, Hà Nội ngày 21/7/2010)

Ngày 10 tháng 7 năm 2008 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg về tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở vào thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009 nhằm thu thập số liệu cơ bản về dân số và nhà ở trên toàn bộ lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích quá trình phát triển dân số và nhà ở trên phạm vi cả nước và từng địa phương, đáp ứng nhu cầu thông tin đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội thời kỳ từ năm 2000 đến năm 2009 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020, phục vụ công tác giám sát thực hiện Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết.

Ngày 16 tháng 10 năm 2008, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 27-CT/TW về lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, cuộc Tổng điều tra đã được triển khai theo đúng kế hoạch và thành công tốt đẹp. Ban Chỉ đạo Trung ương đánh giá những kết quả đã làm được, tồn tại và bài học kinh nghiệm về quá trình tổ chức, thực hiện cuộc Tổng điều tra từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc công tác công bố kết quả điều tra toàn bộ như sau:

I. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC VÀ THỰC HIỆN CUỘC TỔNG ĐIỀU TRA

1. Công tác chuẩn bị Tổng điều tra

1.1 Xây dựng chiến lược và nội dung Tổng điều tra

Yêu cầu xây dựng các chiến lược Tổng điều tra lần này phải đạt các mục tiêu về tính hiệu quả, chính xác, rút ngắn hơn nữa thời gian xử lý và cung cấp số liệu, mở rộng nội dung nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các cấp, các ngành.

Là cơ quan chủ trì cuộc Tổng điều tra, ngay từ giữa năm 2006, Tổng cục Thống kê đã chủ động thiết kế sơ bộ nội dung điều tra. Sau đó, "Hội thảo với người dùng tin" đã được tổ chức tại Hà Nội vào ngày 9/10/2006 để nắm nhu cầu thông tin của các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức quốc tế.

Để đáp ứng yêu cầu đổi mới về thiết kế điều tra và công nghệ xử lý thông tin, hai chiến lược quan trọng của Tổng điều tra được đề xuất và áp dụng. *Một là*, điều tra mẫu với cỡ mẫu 15% tổng dân số để mở rộng nội dung điều tra, nâng cao chất lượng thông tin đối với các chỉ tiêu nhạy cảm và phức tạp, suy rộng cho đến cấp huyện để đẩy nhanh tốc độ cung cấp số liệu, đồng thời giảm chi phí (cỡ mẫu của Tổng điều tra 1989 và 1999 tương ứng là 5% và 3%, chỉ đại diện cho cấp tỉnh). *Hai là*, áp dụng công nghệ nhận biết ký tự thông minh (công nghệ quét) để nhập số liệu thay cho công nghệ truyền thống nhập tin từ bàn phím. Đây là điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng thông tin nhưng cũng là một thách thức lớn đối với Tổng cục Thống kê, vì công nghệ này đòi hỏi chất lượng ghi phiếu điều tra phải tốt hơn, rõ ràng hơn và bảo quản phiếu phải cẩn trọng hơn. Hai chiến lược mới này đòi hỏi công tác chuẩn bị phải được thử nghiệm thận trọng và tỉ mỉ hơn.

Ngày 3 tháng 8 năm 2007 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 19/2007/CT-TTg về việc chuẩn bị Tổng điều tra dân số và nhà ở vào 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009. Thực hiện Chỉ thị này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và các địa phương liên quan khẩn trương triển khai các công tác chuẩn bị.

Đầu năm 2007, Tổng cục Thống kê đã chủ động lập kế hoạch tổng thể, xây dựng kế hoạch tuyên truyền và biên soạn một số tài liệu chuyên môn để khởi động cho cuộc Tổng điều tra.

Trên tinh thần tích cực chủ động và được Quỹ Dân số Liên hợp quốc hỗ trợ kỹ thuật, Tổng cục Thống kê đã soạn thảo kế hoạch tổng thể, xây dựng kế hoạch tuyên truyền vận động và biên soạn một số tài liệu để triển khai công tác vận động tài trợ cho cuộc Tổng điều tra. Ngay từ đầu năm 2008, hai cuốn sách về tuyên truyền được in và phát hành tới các Bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Do những thành công của công tác điều tra thí điểm và nhiều hoạt động chuẩn bị khác, ngày 10 tháng 7 năm 2008 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg về tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009. Ngày 16 tháng 10 năm 2008, Ban Bí Thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 27-CT/TW về lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.

Ban chỉ đạo Tổng điều tra các cấp trung ương, tỉnh, huyện, xã được thành lập để triển khai thực hiện phương án Tổng điều tra, ban hành theo Quyết định số 09/QĐ-BCĐTW ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương. Đến cuối năm 2008, hàng loạt các văn bản pháp quy cùng hệ thống bộ máy tổ chức từ Trung ương đến cơ sở đã nhanh chóng được xác lập để chỉ đạo thực hiện cuộc Tổng điều tra chính thức.

1.2 Xác định đối tượng, đơn vị và phương pháp điều tra

Cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009 điều tra tất cả người Việt Nam thường xuyên cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có đến thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009; người Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép xuất cảnh ra nước ngoài trong thời hạn quy định; các trường hợp chết của hộ đã xảy ra từ ngày 01 Tết Mậu Tý (tức là ngày 07 tháng 2 năm 2008 theo Dương lịch) đến ngày 31 tháng 3 năm 2009; nhà ở của hộ dân cư.

Điều tra dân số và điều tra nhà ở được tiến hành đồng thời với đơn vị điều tra là hộ dân cư. Chủ hộ là người cung cấp thông tin chính. Đối với những thông tin mà chủ hộ không nắm chắc, điều tra viên phỏng vấn trực tiếp đối tượng điều tra. Riêng các thông tin về lao động-việc làm, điều tra viên phỏng vấn trực tiếp đối tượng điều tra từ 15 tuổi trở lên; các câu

hỏi về sinh đẻ thì phỏng vấn trực tiếp phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (từ 15 đến 49 tuổi). Đối với các thông tin về nhà ở, điều tra viên phỏng vấn trực tiếp người cung cấp thông tin hoặc kết hợp với quan sát trực tiếp để xác định.

Tổng điều tra dân số và nhà ở là cuộc điều tra toàn bộ. Tuy nhiên, Tổng điều tra này còn sử dụng phương pháp điều tra chọn mẫu nhằm: (1) mở rộng nội dung điều tra; (2) nâng cao chất lượng thông tin, nhất là đối với những câu hỏi nhạy cảm và phức tạp; và (3) tiết kiệm kinh phí tổng điều tra. Để nâng cao hiệu quả và độ tin cậy của số liệu, quy mô mẫu là 15% tổng số dân bảo đảm đại diện đến cấp huyện về những thông tin cơ bản.

1.3 Điều tra thí điểm và điều tra tổng duyệt

Phiếu điều tra và các tài liệu Tổng điều tra đã qua ba lần thí điểm và một lần tổng duyệt trước khi áp dụng chính thức cho cuộc Tổng điều tra.

Hai cuộc điều tra thí điểm với quy mô nhỏ được tiến hành trong Quý II và Quý III năm 2007 nhằm thử nghiệm nội dung phiếu điều tra. Cuộc điều tra thí điểm lần 3 trên quy mô lớn tiến hành trong tháng 11-12/2007 tại 6 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương là Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Quảng Trị, thành phố Hồ Chí Minh và Bến Tre. Cuộc điều tra thí điểm lần này nhằm thử nghiệm tất cả các công đoạn: tuyên truyền, vẽ sơ đồ và lập bảng kê, tập huấn nghiệp vụ, điều tra và giám sát thực địa, xác định định mức điều tra, kiểm tra và ghi mã số, xử lý và tổng hợp kết quả. Sau mỗi lần điều tra thí điểm, Tổng cục Thống kê đã tổ chức hội thảo đánh giá kết quả, hoàn thiện phiếu và các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ. Công tác điều tra thí điểm đã rút ra nhiều kinh nghiệm bổ ích, trong đó nổi bật nhất là:

- *Về nội dung điều tra*: Bên cạnh việc giữ lại nhiều chỉ tiêu phục vụ việc so sánh số liệu với các cuộc Tổng điều tra trước, lần này chúng ta đã mạnh dạn bổ sung nhiều chỉ tiêu quan trọng như: mở rộng nội dung điều tra trình độ giáo dục-đào tạo cho phù hợp với Luật Giáo dục mới ban hành, bổ sung chỉ tiêu tình trạng khuyết tật, nguyên nhân chết và chết do thai sản, cải tiến cách thiết kế nội dung điều tra nhà ở.

- *Về đối tượng điều tra*: Theo thông lệ quốc tế, lần này chúng ta đã bổ sung đầy đủ loại "*nhân khẩu đặc thù*", từ đó đặc biệt lưu ý những đối tượng có tính chất cư trú khá phức tạp như học sinh và sinh viên, người nhập cư, người lang thang cơ nhỡ, người sống trong các trạm/trại do ngành Lao động-TBXH quản lý, nhà chung/nhà chùa, những người làm hợp đồng ngắn hạn/tạm tuyển/lao động thời vụ của quân đội và công an, v.v…

- *Về xác định phạm vi địa bàn điều tra*: Qua thí điểm đã rút ra nhiều kinh nghiệm về công tác quản lý chất lượng điều tra, quyết định lấy thôn/ấp/bản/tổ dân phố làm đơn vị phân chia địa bàn điều tra đã giúp cho việc quản lý điều tra thuận lợi hơn, hạn chế trùng/sót, bổ sung một nguồn thông tin hữu ích cho công tác thống kê sau này.

Với cách tiếp cận trên, lần này chúng ta áp dụng được các chuẩn mực quốc tế cả về kỹ thuật thiết kế, cách xác định nội dung cũng như các khái niệm cơ bản của cuộc Tổng điều tra.

Tháng 8 và tháng 9 năm 2008 đã thực hiện thành công cuộc điều tra tổng duyệt tại 48 địa bàn của 4 tỉnh (mỗi tỉnh 12 địa bàn) đại diện cho các vùng miền, bao gồm: Yên Bái đại diện cho cho Trung du và miền núi phía Bắc; Nam Định đại diện cho Đồng bằng sông Hồng; Quảng Bình đại diện cho miền Trung và Tây Nguyên; Tiền Giang đại diện cho Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Đây là cuộc Tổng điều tra diễn tập, vì vậy lực lượng cán bộ chủ chốt của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các bộ, ngành liên quan đã tham gia nghiêm túc ngay từ khâu chuẩn bị địa bàn.

Vào thời gian cuối của điều tra tổng duyệt, một hội thảo đánh giá chi tiết đã được tổ chức để rút kinh nghiệm. Kết quả của điều tra tổng duyệt không chỉ làm cơ sở cho việc hoàn thiện phương án điều tra, phiếu điều tra, quy trình điều tra và các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ; điều quan trọng hơn là nó giúp nâng cao mức độ thành thạo cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của Ban chỉ đạo các cấp, các ngành trong cuộc Tổng điều tra chính thức sắp tới.

1.4 Vẽ sơ đồ và lập bảng kê số nhà, số hộ, số người

Tổng điều tra dân số và nhà ở được coi là thành công khi mọi người dân đều được điều tra và mỗi người chỉ được điều tra tại một địa chỉ cụ thể. Để đạt được yêu cầu này, cần phải có hệ thống bản đồ các đơn vị hành chính, sơ đồ và bảng kê số nhà, số hộ, số người của các địa bàn điều tra được cập nhật đầy đủ đến sát thời điểm điều tra. Sơ đồ và bảng kê là cơ sở để phân bổ nguồn lực, hướng dẫn điều tra viên tiếp cận các hộ để thu thập thông tin, phân phối tài liệu, phiếu điều tra và văn phòng phẩm phục vụ Tổng điều tra.

Ban Chỉ đạo các cấp đã tiến hành rà soát và phân định ranh giới lãnh thổ hành chính giữa các cấp nhằm phát hiện những nơi có hộ và nhân khẩu cư trú thường xuyên nhưng chưa rõ thuộc đơn vị hành chính nào quản lý để phục vụ công tác vẽ sơ đồ và lập bảng kê.

Công tác tập huấn vẽ sơ đồ, lập bảng kê được tiến hành theo hai cấp. Tháng 10 năm 2008, Ban chỉ đạo Trung ương đã đồng thời mở hai lớp tập huấn cho giảng viên cấp tỉnh, một lớp tại Hà Nội cho các tỉnh/thành phố phía Bắc và một lớp tại thành phố Hồ Chí Minh cho các tỉnh phía Nam. Tiếp sau, giảng viên tỉnh/thành phố tập huấn trực tiếp cho cán bộ vẽ sơ đồ và lập bảng kê. Tập huấn hai cấp để nâng cao được chất lượng công tác đào tạo. Đa số các tỉnh/thành phố đã tuân thủ theo hướng dẫn tập huấn hai cấp. Tuy nhiên, do số lượng học viên đông và quỹ thời gian ngắn, có một số tỉnh/thành phố đã chủ động tập huấn ba cấp, tức thêm một cấp giảng viên cấp tỉnh tập huấn cho giảng viên cấp huyện, sau đó giảng viên cấp huyện tập huấn cho cán bộ vẽ sơ đồ và lập bảng kê.

Trong công tác vẽ sơ đồ và lập bảng kê, hầu hết các tỉnh/thành phố đã sử dụng hệ thống bản đồ số hoá của Bộ Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở. Ngay từ giai đoạn đầu của bước chuẩn bị, mục đích lưu giữ sơ đồ và bảng kê các địa bàn điều tra mẫu để sử dụng làm **dàn mẫu chủ** cho các cuộc điều tra sau này đã được nghiên cứu thực hiện. Ý tưởng xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) từ sơ đồ các địa bàn điều tra đã được đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên, hiện nay Tổng cục Thống kê chưa có đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật, chuyên môn và ngân sách để thực hiện GIS. Vì vậy, trong cuộc Tổng điều tra này chỉ lưu giữ bằng hình ảnh các sơ đồ địa bàn điều tra mẫu.

Trong cuộc Tổng điều tra đã vẽ hai loại sơ đồ: sơ đồ nền và sơ đồ địa bàn điều tra. Mỗi sơ đồ nền thể hiện được vị trí và đặc điểm nổi bật của tất cả các địa bàn điều tra của toàn xã/phường. Sơ đồ địa bàn điều tra chỉ ra các đặc điểm chi tiết của từng địa bàn (như: hướng đi, ranh giới của địa bàn, đường xá, kênh rạch, ao/hồ, trường học, bệnh viện, v.v...) nhằm giúp điều tra viên định vị được từng ngôi nhà trong địa bàn.

Việc lập bảng kê số nhà, số hộ, số người được thực hiện vào cùng thời gian vẽ sơ đồ. Bảng kê số nhà, số hộ, số người được lập theo từng nhà, từng hộ bao gồm các tiêu thức như: số thứ tự nhà, số thứ tự hộ, địa chỉ của hộ, tổng số nhân khẩu, số nam và số nữ.

Việc vẽ sơ đồ chủ yếu do cán bộ địa chính của cấp xã/phường đảm nhiệm, còn việc lập bảng kê được giao cho người địa phương am hiểu địa hình và phân bố dân cư của địa bàn điều tra thực hiện. Những người này được tập huấn về nghiệp vụ vẽ sơ đồ và lập bảng kê trong thời gian 3 ngày.

Công tác vẽ sơ đồ và lập bảng kê được coi là nhiệm vụ trọng tâm của công tác chuẩn bị Tổng điều tra, bắt đầu từ tháng 10 năm 2008 và cơ bản hoàn thành vào tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, ở một số tỉnh, thành phố lớn do gặp nhiều khó khăn về quy mô, địa hình và phân bố dân cư phức tạp, nhiều địa bàn bị giải tỏa/di rời thì đến cuối tháng 2 năm 2009 mới hoàn thành. Để nâng cao chất lượng, Ban chỉ đạo Trung ương đã kịp thời chỉ đạo rà soát và hiệu chỉnh kết quả vẽ sơ đồ, lập bảng kê. Mặc dù thời gian và kinh phí bố trí cho công tác này còn hạn hẹp, nhưng các địa phương đã nỗ lực phấn đấu đạt kết quả khả quan: đến ngày 31/3/2009, cả nước đã cập nhật thêm 315 nghìn hộ và 801 nghìn người, làm cho hệ thống sơ đồ và bảng kê thu thập đạt 98,2% về số hộ và 99,8% về tổng số nhân khẩu so với kết quả Tổng điều tra chính thức. Căn cứ kết quả này, BCĐTW đã kịp thời in bổ sung phiếu cho các địa phương sử dụng.

Bên cạnh những ưu điểm đã kể trên, ở một số địa phương công tác này còn thiếu sót, như: kéo dài thời gian, sử dụng tài liệu sổ sách để lập bảng kê, bỏ sót diện tích đất trong sơ đồ địa bàn, v.v…

2. Công tác hậu cần

Do khối lượng lớn và phức tạp, công tác hậu cần đã được chủ động chuẩn bị sớm, tính toán một cách đầy đủ, tương xứng với yêu cầu tăng lên của cuộc Tổng điều tra trên tất cả các khía cạnh về tài chính và các phương tiện điều tra. Để bộ máy Ban Chỉ đạo và Văn phòng giúp việc sớm triển khai hoạt động có hiệu quả, ngoài vấn đề kinh phí và vật tư, các địa phương đã chuẩn bị sớm về địa điểm, trang thiết bị làm việc, phương tiện đi lại, vận chuyển tài liệu,...

Thành công lớn là chúng ta đã tạo được sự quan tâm của Nhà nước và các tổ chức quốc tế, nên ngân sách nhà nước đã được cấp 480 tỷ đồng, 22 tỷ đồng của UNFPA, nâng tổng kinh phí lên 502 tỷ đồng (bình quân đầu người là 5.900 đồng hay 0,35 đô la Mỹ, so với 0,13 đô la Mỹ năm 1999).

Trong công tác hậu cần, khối lượng lớn nhất là công tác *in và phân phối tài liệu*. Yêu cầu phải hoàn thành in và phân phối khoảng 600 tấn giấy cho hàng chục loại tài liệu khác nhau, chuyển giao đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng đến từng đơn vị cơ sở của các cấp, các ngành trong cả nước. Để đáp ứng yêu cầu của công nghệ quét, phiếu điều tra đã được in bằng loại giấy tốt, đảm bảo độ xốp, độ dày, độ dai và kỹ thuật in phải chính xác. Để làm tốt việc này, Tổng cục Thống kê đã đánh giá năng lực của các cơ sở in trong toàn quốc, tiến hành các thủ tục đấu thầu rộng rãi.

Do khối lượng quá lớn, thời gian gấp và lần đầu tiên thực hiện theo cơ chế đấu thầu rộng rãi, gói thầu cung cấp văn phòng phẩm (cặp ba dây, bút bi, túi crap) còn gặp một vài trục trặc, gây sự lúng túng cho các địa phương.

3. Công tác tuyên truyền cho cuộc Tổng điều tra

Tuyên truyền sâu, rộng của Tổng điều tra 2009 nhằm mục đích: *Thứ nhất*, tranh thủ sự ủng hộ và hỗ trợ của các cơ quan Nhà nước, các cơ quan truyền thông và các tổ chức quần chúng bằng việc tạo ra sự hiểu biết đầy đủ về tầm quan trọng và mục đích của cuộc Tổng điều tra. *Thứ hai*, làm cho người dân hiểu được ích lợi của Tổng điều tra, nhận thức được quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với Tổng điều tra để sẵn lòng hợp tác, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác.

Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 27-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc Tổng điều tra dân số

và nhà ở năm 2009 được phổ biến đến từng chi bộ, từng tổ dân phố, thôn, ấp, bản. Thực hiện Quyết định và Chỉ thị trên, các cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Ban chỉ đạo các cấp thường xuyên tổ chức *các cuộc họp giao ban* kiểm điểm tiến độ thực hiện, thu hút cả hệ thống chính trị tham gia thực hiện và hưởng ứng cuộc Tổng điều tra. Đây là một trong những nhân tố quan trọng nhất quyết định sự thành công của cuộc Tổng điều tra.

Nhìn chung, tài liệu tuyên truyền cho cuộc Tổng điều tra lần này khá phong phú, bao gồm:

- *Về tài liệu in*: gồm Chỉ thị số 27-CT/TW của Ban Bí thư, Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 09/QĐ-BCĐTW của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương, Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sổ tay hướng dẫn công tác tuyên truyền, các bài mẫu hỏi-đáp về Tổng điều tra dân số và nhà ở, các bài đăng trên báo trung ương và địa phương, các bài trả lời phỏng vấn của Ban chỉ đạo các cấp, các ngành; các đặc san về Tổng điều tra, các tài liệu phổ biến trong các cuộc họp ở cấp thôn/ấp/bản/tổ dân phố và các tổ chức đoàn thể.
- *Về tài liệu nghe nhìn*: Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương đã xây dựng, sản xuất và phát hành tới các cấp từ trung ương đến địa phương các tài liệu, phương tiện có chất lượng cao như lôgô, áp phích, đĩa hình (video clip) quảng bá Tổng điều tra, đĩa tiếng (Audio CD) hỏi đáp và các bài hát về Tổng điều tra, chương trình tọa đàm về Tổng điều tra phát trên các đài phát thanh và truyền hình.
- Về tài liệu cổ động: gồm biểu trưng, pa nô (tấm lớn và trung bình), áp phích, khẩu hiệu, băng rôn.

Chiến dịch tuyên truyền sâu rộng về Tổng điều tra bắt đầu từ đầu tháng 3 năm 2009, rầm rộ và quyết liệt nhất là trong khoảng thời gian từ 15 tháng 3 đến 20 tháng 4 năm 2009. Các hoạt động truyền thông tập trung trong thời gian điều tra gồm điểm tin Tổng điều tra hàng ngày, phóng sự, các bài hát về Tổng điều tra được phát và đăng tải trên sóng phát thanh, truyền hình, trên hệ thống loa truyền thanh của thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố, báo chí của cả Trung ương và địa phương cũng đưa tin liên tục.

Các trung tâm kinh tế, chính trị và văn hoá lớn của cả nước, như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng và Cần Thơ đã được kịp thời bổ sung kinh phí tuyên truyền. Ở các địa phương này, nhiều cụm panô lớn, khẩu hiệu, áp phích được thiết kế một cách sinh động và bắt mắt, được đặt ở những địa điểm, vị trí trang trọng, thu hút sự quan tâm của nhân dân.

Đài Truyền hình Việt Nam và Đài Tiếng nói Việt Nam đã phát sóng các chương trình quảng bá, hỏi đáp và các bài hát về Tổng điều tra. Kế hoạch về thời gian và thời lượng phát sóng của các chương trình cũng được thông báo về các địa phương để tiếp sóng, hoặc lưu để tái sử dụng. Trong ngày hội ra quân, Đài VTV1 đã phát cầu truyền hình Bắc-Trung-Nam. Ban Chỉ đạo Trung ương cũng đã phối hợp với nhiều tờ báo có số lượng phát hành lớn ở Trung ương (cả báo viết và báo điện tử) đăng tải nhiều bài báo về Tổng điều tra. Nội dung tuyên tuyền về Tổng điều tra đã được đưa vào cuộc họp Giao ban báo chí tháng 3 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông và chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Tổng điều tra.

Ở các địa phương đã áp dụng nhiều hình thức tuyên truyền sáng tạo như: họp dân, báo địa phương, xe loa, xe Hon đa gắn hoa để tuyên truyền, học sinh cổ động, diễn kịch, ca hát, dán biểu trưng trên các phương tiện giao thông công cộng, v.v… Với các hình thức phong phú đó đã nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền.

Các đội tuyên truyền lưu động, các tổ chức đoàn thể, các trường phổ thông và chuyên nghiệp, thanh thiếu niên, học sinh đi cổ động đã tạo ra không khí sôi động cho chiến dịch tuyên truyền Tổng điều tra. Đặc biệt lần này ở nhiều nơi đã tranh thủ các chức sắc tôn giáo tổ chức tuyên truyền Tổng điều tra trong đồng bào theo đạo.

Các nội dung tuyên truyền cho Tổng điều tra không chỉ được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng của Việt Nam mà còn được chuyển tải qua các kênh thông tin của các cơ quan truyền thông của Liên hợp quốc.

Lần đầu tiên trong Tổng điều tra dân số ở Việt Nam có lắp đặt đường dây điện thoại nóng cho Tổng điều tra tại Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương và tỉnh, thành phố. Mục đích chính của đường dây nóng là để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành tác nghiệp cho Tổng điều tra, đồng thời cũng để tiếp nhận các góp ý của nhân dân về các hoạt động Tổng điều tra. Mục đích chính này đã đạt được. Ngoài ra, đường dây nóng cũng là một công cụ tuyên truyền, cung cấp thông tin về Tổng điều tra cho người dân. Số điện thoại đường dây nóng được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Việc này làm cho nhân dân cảm nhận được tính minh bạch của Tổng điều tra, trên cơ sở đó họ tin tưởng và hợp tác rất nhiệt tình, cung cấp nhiều thông tin xác đáng cho các cơ quan và cán bộ điều tra.

Ngoài nguồn kinh phí của Chính phủ, cuộc Tổng điều tra đã tranh thủ sự hỗ trợ kinh phí của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) và một số địa phương để đẩy mạnh chiến dịch tuyên truyền. Tất cả các sản phẩm tuyên truyền đã được sản xuất, phân phát đầy đủ tới các cơ quan thông tin đại chúng (trung ương và địa phương), Ban Chỉ đạo các cấp và các ngành chức năng để chuẩn bị sẵn sàng cho chiến dịch tuyên truyền.

Báo cáo của 63 tỉnh, thành phố, các đoàn giám sát của Ban Chỉ đạo Trung ương và các đoàn đại diện của các các nhà tài trợ quốc tế tham gia giám sát Tổng điều tra đều thống nhất đánh giá "Ngày 01/4/2009 thực sự là ngày hội Tổng điều tra", có sức mạnh lôi cuốn toàn dân tích cực hưởng ứng và ủng hộ cán bộ điều tra.

4. Công tác thu thập thông tin và giám sát điều tra

4.1 Địa bàn điều tra

Cả nước được phân thành khoảng 172.000 địa bàn điều tra. Mỗi địa bàn có các đường ranh giới rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng và có số lượng hộ để một điều tra viên có thể hoàn thành điều tra đăng ký trong thời gian điều tra quy định. Số lượng hộ trong từng địa bàn khác nhau giữa các vùng địa lý. Nói chung, địa bàn điều tra là thôn (hoặc xóm, ấp, bản, tổ dân phố) với quy mô bình quân là 100 hộ.

4.2 Tuyển chọn và tập huấn cán bộ điều tra

Công tác tập huấn nhằm cung cấp cho cuộc Tổng điều tra một đội ngũ cán bộ am hiểu nghiệp vụ để vừa chỉ đạo, vừa huấn luyện cán bộ nghiệp vụ các cấp cho tới tận điều tra viên và tổ trưởng điều tra.

Điều tra viên được tuyển chọn đáp ứng đủ các yêu cầu: có tinh thần trách nhiệm cao, viết chữ và số rõ ràng, có trình độ học vấn và tuổi đời phù hợp. Hầu hết điều tra viên được tuyển chọn là người địa phương.

Tổ trưởng điều tra là lực lượng trực tiếp quản lý công việc của điều tra viên. Ngoài yêu cầu nắm vững nghiệp vụ điều tra, tổ trưởng phải có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm và cam kết dành 100% thời gian để quản lý điều tra viên. Quy định một tổ trưởng phụ trách 2

điều tra viên thuộc vùng cao, hải đảo, vùng sâu, vùng xa; ở các vùng còn lại, một tổ trưởng phụ trách 4 điều tra viên.

Ngoài tổ trưởng còn có giám sát viên cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện với nhiệm vụ chính là giám sát hoạt động của mạng lưới tổ trưởng và điều tra viên, giám sát và hỗ trợ chuyên môn cho Ban chỉ đạo cấp dưới.

Việc tập huấn được tiến hành theo ba cấp: Giảng viên cấp Trung ương tập huấn đội ngũ giảng viên và ban chỉ đạo cấp tỉnh trong 8 ngày về nội dung nghiệp vụ, quản lý và giám sát Tổng điều tra. Giảng viên cấp tỉnh tập huấn giảng viên và ban chỉ đạo cấp huyện trong 6 ngày. Giảng viên cấp huyện tập huấn cho Ban chỉ đạo cấp xã, tổ trưởng và điều tra viên với thời lượng 4 ngày cho địa bàn điều tra toàn bộ, 8 ngày cho địa bàn điều tra chọn mẫu.

Cuộc Tổng điều tra huy động khoảng 30 vạn điều tra viên, tổ trưởng điều tra, giám sát viên và thành viên Ban chỉ đạo các cấp để thực hiện công tác điều tra tại địa bàn. Công tác tập huấn đã được thực hiện chu đáo cho bộ máy Tổng điều tra nói trên, đồng thời trang bị đầy đủ các phương tiện và tài liệu cần thiết cho công tác tập huấn đã giúp cho đội ngũ cán bộ điều tra thông thạo về nghiệp vụ quản lý và điều tra, thực hiện đúng các quy trình và ghi phiếu bảo đảm yêu cầu của công nghệ quét.

Để nâng cao chất lượng tập huấn, ngoài hệ thống các sổ tay nghiệp vụ thông thường, lần này Ban chỉ đạo Trung ương đã ban hành sổ tay hướng dẫn công tác quản lý, sổ tay đào tạo cán bộ vẽ sơ đồ và lập bảng kê, sổ tay đào tạo điều tra viên. Thực chất đây là những giáo án dành riêng cho giảng viên các cấp theo phương pháp giảng dạy tích cực, giúp cho các đối tượng học viên tiếp thu một cách chủ động, đạt hiệu quả cao. Ngoài các tài liệu "cẩm nang" nói trên, Ban chỉ đạo Trung ương đã ban hành các đĩa DVD hỗ trợ tập huấn, các bản in khổ lớn mẫu phiếu điều tra và trang bị máy chiếu để làm phương tiện nghe-nhìn cho khoảng 5.000 lớp tập huấn trong cả nước. Qua thăm dò ý kiến, các sản phẩm này đã thực sự góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Tuy nhiên, ở một số địa phương công tác tuyển chọn và tập huấn cán bộ vẫn còn có thiếu sót, như: số điều tra viên cao tuổi còn nhiều, rút bớt thời gian tập huấn, không sử dụng các sổ tay đào tạo và đĩa tập huấn mẫu, chỉ thực hành trên lớp mà thiếu khâu thực hành phỏng vấn-ghi phiếu trên thực địa, v.v…

4.3 Công tác thu thập thông tin và giám sát điều tra

Từ ngày 25 đến 30/3/2009, Ban chỉ đạo các cấp đã triển khai thực hiện tổng soát xét toàn bộ công tác chuẩn bị cho cuộc Tổng điều tra. Ngày 24/3/2009, Ban chỉ đạo Trung ương đã tổ chức Hội nghị trực tuyến kiểm điểm tình hình chuẩn bị và triển khai bước điều tra thu thập thông tin, cho thấy công tác chuẩn bị đã hoàn tất, tất cả đã sẵn sàng.

Ngay sau Hội nghị trực tuyến triển khai bước thu thập thông tin, BCĐTW đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo quan trọng, như:

- Văn phòng Chính phủ ban hành công văn số 1929/VPCP-KTTH ngày 26/3/2009 và Thông báo số 117/TB-VPCP ngày 03/4/2009 truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Sinh Hùng về đẩy mạnh công tác tuyên truyền và kết luận tại Hội nghị triển khai bước điều tra thu thập thông tin;
- Công điện số 547/CĐ-TTg ngày 10/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ đã có tác động thúc đẩy toàn bộ hệ thống chính trị tích cực tham gia tổ chức và thực hiện trên tất cả các phương diện của cuộc Tổng điều tra.

Sáng sớm ngày 01/4/2009, Ban chỉ đạo cấp huyện và cấp xã tổ chức lễ ra quân, từ 7 giờ sáng tất cả các điều tra viên và tổ trưởng điều tra đã đồng loạt tiến hành công tác phỏng vấn và ghi phiếu ở các hộ.

Song song với việc phỏng vấn ghi phiếu tại hộ, trong buổi sáng ngày 01/4 cũng đồng loạt tổ chức điều tra những người lang thang không nhà ở, sống ở vỉa hè, góc phố, chợ, trên sông nước, v.v… Ban chỉ đạo cấp huyện và cấp xã đã phối hợp với lực lượng công an thực hiện tốt công tác điều tra nhóm đối tượng này trong cả nước.

Công tác điều tra ở các địa bàn điều tra toàn bộ tiến hành trong 7 ngày và ở các địa bàn điều tra mẫu là 15 ngày. Đến ngày 15/4/2009, 92% số địa bàn điều tra đã hoàn thành ghi phiếu; số địa bàn còn lại do thời tiết mưa bão, địa hình phức tạp, quy mô quá lớn (300 hộ trở lên) và có nhiều hộ đi vắng chưa tiếp cận được nên đã phải kéo dài đến ngày 20/4/2009. Như vậy, tiến độ điều tra đã diễn ra đúng Phương án quy định.

Nhằm khắc phục các loại sai sót trong quá trình điều tra, Ban chỉ đạo các cấp đã lên kế hoạch thực hiện cụ thể, phân công các thành viên Ban chỉ đạo và đội ngũ giám sát viên phụ trách từng địa bàn, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Nhiều nơi, Tỉnh uỷ và UBND tỉnh đã quyết định hoãn một số cuộc họp trong thời gian từ ngày 01 đến ngày 30 tháng 4 để tập trung cho Tổng điều tra. Đây là yếu tố rất quan trọng bảo đảm cho cuộc TĐT được thực hiện thống nhất.

Các tỉnh/thành phố duy trì chế độ báo cáo và kiểm điểm tiến độ, đã phát hiện và chỉ đạo rút kinh nghiệm kịp thời trong mấy ngày đầu nên số lỗi ghi phiếu giảm nhanh trong những ngày sau. Các tổ chức của Liên hợp quốc cũng tích cực phối hợp tham gia giám sát các hoạt động Tổng điều tra tại các địa phương.

Điện thoại đường dây nóng, trang thông tin tác nghiệp Tổng điều tra và mạng điện tử của ngành Thống kê đã phát huy hiệu quả cao phục vụ công tác chỉ đạo điều hành. Hàng ngày, Văn phòng BCĐTW liên tục nhận được nhiều câu hỏi gửi đến từ Ban chỉ đạo các cấp, các ngành, điều tra viên, tổ trưởng điều tra, giám sát viên, các cơ quan truyền thông, các tổ chức quốc tế và đông đảo nhân dân cả nước. Các câu hỏi này đã được giải đáp trực tiếp hoặc chuyển đến các đơn vị thích hợp để xử lý kịp thời các vấn đề liên quan.

Trong những ngày đầu, Ban chỉ đạo các cấp đã chủ động "hãm" tốc độ điều tra thấp hơn mức bình quân để phát hiện hết các lỗi sai sót của điều tra viên, rút kinh nghiệm kịp thời. Ngay từ đầu, nhiều địa phương đã tổ chức phỏng vấn thử để rút kinh nghiệm nên đã hạn chế tối đa các loại sai sót. Tiến độ và chất lượng điều tra nhìn chung được duy trì đúng Phương án quy định.

Để nâng cao chất lượng thông tin, công tác giám sát được đặt ra ở tất cả các công đoạn của cuộc Tổng điều tra, bao gồm: (1) tập huấn vẽ sơ đồ lập bảng kê, (2) vẽ sơ đồ lập bảng kê, (3) tập huấn nghiệp vụ, (4) rà soát và hiệu chỉnh sơ đồ và bảng kê, (5) điều tra ghi phiếu. Trong đó, khâu giám sát phỏng vấn, ghi phiếu được đặc biệt quan tâm để đáp ứng yêu cầu của công nghệ quét trong khâu nhập tin phiếu điều tra.

Qua kiểm tra giám sát thực địa và theo dõi báo cáo tiến độ của các địa phương đã phát hiện và xử lý kịp thời một số dạng thiếu sót cơ bản sau đây:

- Một số tỉnh/thành phố chưa bám sát kế hoạch Tổng điều tra, báo cáo tiến độ chậm, kết quả sơ bộ báo cáo chưa kịp thời và thiếu chính xác;

- Trong 3 ngày đầu tiên (1-3/4/2009), một số tỉnh có hiện tượng đẩy tốc độ điều tra nhanh hơn mức trung bình. BCĐTW đã kịp thời nhắc nhở rút kinh nghiệm, vì vậy tốc độ đã được duy trì phù hợp hơn trong những ngày tiếp theo;
- Một số tổ trưởng kiêm làm điều tra viên hoặc được giao phụ trách nhiều địa bàn, một số tổ trưởng là công chức xã/phường đã không dành đủ thời gian cho công tác quản lý điều tra viên;
- Một số điều tra viên yếu nghiệp vụ nhưng không được tổ trưởng bổ khuyết kịp thời nên đã mắc các lỗi, như: ghi thiếu hoặc thừa thông tin do thực hiện sai bước nhảy, ghi nhầm cột, ghi câu trả lời về ngành/nghề còn chung chung, phỏng vấn không theo đúng quy trình. Nhiều điều tra viên tuổi đời cao, khả năng tiếp thu nghiệp vụ yếu, ảnh hưởng đến tiến độ điều tra;

Trong những ngày đầu tháng 4 năm 2009 có mưa to và dai dẳng ở nhiều nơi trên phạm vi cả nước, gây khó khăn cho điều tra viên, nhất là ở những địa bàn vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Ban Chỉ đạo Trung ương đã có công văn khẩn yêu cầu các địa phương trang bị bổ sung cho mỗi điều tra viên một áo mưa và một túi nylon để bảo vệ tài liệu. Việc này giúp điều tra viên đi lại thuận lợi hơn, bảo quản tốt phiếu và tiến độ không bị kéo dài.

5. Đánh giá và thẩm định kết quả

Để phục vụ cho việc công bố số liệu, ngay sau khi kết thúc bước điều tra thu thập thông tin, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương đã thực hiện nhiều biện pháp để đánh giá, thẩm định kết quả Tổng điều tra như sau:

• Xác minh và điều tra bổ sung qua đường dây nóng:

Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương đã phối hợp có hiệu quả với Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói Việt Nam thông báo để nhân dân cả nước cung cấp thông tin nhằm phát hiện và điều tra bổ sung tất cả các đối tượng điều tra có khả năng bị bỏ sót. Đến ngày 20/4/2009, Văn phòng BCĐTW đã nhận được ý kiến của 975 hộ dân trong cả nước gọi đến đường dây nóng. Kết quả đã xác minh, điều tra bổ sung được 744 hộ, 231 hộ còn lại đã được điều tra viên ghi phiếu thông qua các thành viên khác trong hộ hoặc qua điều tra gián tiếp. Mặc dù số hộ được điều tra bổ sung không nhiều so với tổng số trên 22 triệu hộ trong cả nước, song qua công việc này các hộ dân và Ban chỉ đạo các cấp đã bày tỏ sự đồng tình và tin tưởng vào kết quả Tổng điều tra.

• Phúc tra kết quả điều tra:

Sau khi kết thúc bước điều tra đã tiến hành một cuộc phúc tra chọn mẫu nhằm xác định mức độ đầy đủ và chính xác của số liệu Tổng điều tra. Một mẫu hệ thống gồm 60 địa bàn điều tra đã được chọn ngẫu nhiên để tiến hành phỏng vấn lại do Văn phòng BCĐTW trực tiếp tổ chức thực hiện.

Kết quả phúc tra đã cho thấy sai số là - 0,3% (bằng chênh lệch giữa tỷ lệ điều tra sót và điều tra trùng), tương đương với khoảng 258 nghìn người. Nếu so với tỷ lệ sai số từ 1,5% đến 4,5% tổng dân số thường thấy trong các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở của nhiều nước[1], thì có thể sơ bộ đánh giá mức độ đầy đủ của cuộc Tổng điều tra lần này là khá cao.

1 Trong Chu kỳ Tổng điều tra dân số năm 2000, sai sót trong Tổng điều tra của một số nước như sau: Ấn Độ: 1,8%, Anh: 2,0%, Băng-la-đét: 3%, Ca-na-đa: 3,1%, Hàn Quốc: 1,5%, Indonesia: 3,3%, Malaysia: 4,4%, Niu-di-lân: 2,2%, Nhật Bản: Thành thị: 0,4% và Nông thôn: 0,7%, Pakistant: 4,4%, Phi-líp-pin: 2,0%, Trung Quốc: 1,8%, Úc: 1,8%.

• *Đánh giá chất lượng ghi phiếu*:

Ngay sau bước điều tra ghi phiếu, Thường trực BCĐTW đã tổ chức một số đoàn công tác để kiểm tra chất lượng ghi phiếu điều tra. Kết quả kiểm tra cho thấy phiếu điều tra được ghi chép khá tốt, có thể bảo đảm tốt khâu xử lý.

• *Kiểm tra trọng điểm một số đối tượng có khả năng bị bỏ sót cao nhất:*

Để có căn cứ vững chắc hơn cho việc công bố số liệu sơ bộ của cuộc Tổng điều tra, Thường trực BCĐTW đã quyết định triển khai công tác kiểm tra trọng điểm 03 đối tượng có khả năng bị bỏ sót cao nhất, đó là: (1) sinh viên sống trong ký túc xá, (2) sinh viên sống trong các nhà trọ thuộc địa bàn dân cư, và (3) công nhân làm việc tại các khu công nghiệp đang thuê nhà của dân để ở hoặc đang sống trong các lán trại, nhà tạm của các dự án, cơ sở sản-xuất kinh doanh xa khu tập trung dân cư. Riêng thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương, nơi có nhiều người nhập cư, do Văn phòng BCĐTW trực tiếp tổ chức thực hiện.

Kết quả kiểm tra cho thấy có sự bỏ sót nhưng mức độ bỏ sót thấp, tương tự như tỷ lệ bỏ sót đã thu được trong phúc tra.

Ngoài các biện pháp kiểm tra/phúc tra nói trên, trong quá trình triển khai công tác Tổng điều tra, Thường trực BCĐTW đã tổ chức kiểm tra rà soát 02 lần đối với kết quả vẽ sơ đồ và lập bảng kê, 02 lần đối với kết quả tổng hợp sơ bộ.

Như vậy, bằng nhiều phương pháp kiểm tra và phúc tra khác nhau đều thu được những kết quả đánh giá thống nhất với mức độ sai sót thấp (0,3%). Điều đó cho thấy cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 đã thu được kết quả tin cậy và vững chắc, tương xứng với sự nỗ lực và công sức đóng góp của cả hệ thống chính trị, của Ban chỉ đạo các cấp, các ngành và sự tham gia, hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân cả nước.

6. Xử lý và tổng hợp số liệu

Để đẩy nhanh tốc độ xử lý và nâng cao chất lượng số liệu Tổng điều tra, một chiến lược quan trọng cần được thử nghiệm và kết luận sớm là *đổi mới công nghệ xử lý theo công nghệ quét* (scanning). Đây là công nghệ tiên tiến, lần đầu tiên đưa vào áp dụng trong điều tra thống kê ở nước ta nên công tác chuẩn bị phải tiến hành hết sức thận trọng và tỉ mỉ. Trong quá trình thử nghiệm, Lãnh đạo Tổng cục đã chỉ đạo sát sao Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương, Trung tâm Tin học Thống kê và Ban quản lý dự án hiện đại hóa Tổng cục Thống kê chuẩn bị kỹ lưỡng mọi điều kiện cần thiết để đảm bảo cho việc áp dụng thành công, như: thiết kế và in phiếu, bút viết và các văn phòng phẩm khác, các phương tiện bảo quản phiếu, cơ sở hạ tầng về CNTT, phần mềm và các máy móc thiết bị khác cho các Trung tâm xử lý số liệu. Dự án hiện đại hóa Tổng cục Thống kê đã trang bị hệ thống xử lý hiện đại cho 3 Trung tâm Tin học với tổng số 25 máy chủ, 149 máy tính cá nhân, các phần mềm hệ thống và phần mềm xử lý TIS eFlow cùng với nhiều thiết bị và phần mềm khác, nâng cấp mạng cục bộ của các Trung tâm, đảm bảo những điều kiện tốt nhất cho công tác xử lý.

Mặc dù việc triển khai cung cấp thiết bị, phần mềm và xây dựng hệ thống xử lý bị chậm trễ hơn dự kiến, đến đầu tháng 8/2009 các Trung tâm Tin học mới bắt đầu triển khai xử lý phiếu Tổng điều tra. Nhưng với tinh thần phấn đấu quyết liệt, đến hết tháng 10/2009 việc nhập số liệu của phiếu mẫu (bao gồm việc quét phiếu hoặc nhập tin, nhận dạng và kiểm tra nhận dạng, kiểm tra logic sơ bộ) đã hoàn thành. Tỷ lệ phiếu được nhận dạng đạt trên 95%. Đây là một con số ấn tượng so với dự kiến ban đầu.

Trong tháng 11-12/2009 Trung tâm Tin học Thống kê phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành kiểm tra và hiệu chỉnh số liệu mẫu 15% và tổng hợp các biểu kết quả. Một số chỉ tiêu tổng hợp chính đã được công bố vào ngày 31/12/2009 theo đúng kế hoạch. Việc kiểm tra, đánh giá các kết quả tổng hợp số liệu suy rộng mẫu 15% đã được tiến hành khẩn trương và giữa tháng 2/2010 đã phân phát dữ liệu vi mô cho các Cục Thống kê và các cơ quan sử dụng thông tin khác.

Công tác nhập liệu phiếu điều tra toàn bộ đã được tiến hành khẩn trương, thận trọng và hoàn thành vào tháng 4/2010. Tuy nhiên, so với thời gian dự kiến hoàn thành khâu quét và hoàn thiện kết quả nhập tin phiếu điều tra toàn bộ thì tiến độ đã bị chậm 2 tháng do hầu hết máy quét (scanners) đã bị các sự cố như kẹt giấy, dãn ảnh, co ảnh,… Nguyên nhân chính là do bánh xe cuốn và thanh thép bị mòn nhưng không có thiết bị thay thế kịp thời, việc xử lý sự cố của nhà thầu khá chậm chạp, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý.

Với tiến độ hoàn thành công tác xử lý phiếu điều tra mẫu 15% và điều tra toàn bộ, chúng ta có thể khẳng định rằng việc áp dụng công nghệ quét và nhận dạng cho phép rút ngắn thời gian và nhân lực nhập tin. Đây là kết quả rất đáng khích lệ, củng cố niềm tin vào việc lựa chọn giải pháp công nghệ này trong tương lai cho các cuộc tổng điều tra và điều tra mẫu.

Do là lần đầu tiên áp dụng công nghệ quét và nhận dạng trên diện rộng, hơn nữa hệ thống được thiết kế và xây dựng trong một thời gian rất ngắn nên quá trình xử lý còn nhiều vướng mắc và hạn chế. Cụ thể là:

- Gói thầu của Dự án hiện đại hoá Tổng cục Thống kê được triển khai chậm hơn dự kiến nên việc cung cấp thiết bị, phần mềm bị chậm, hệ thống xử lý phải xây dựng và phát triển trong thời gian quá ngắn không đủ thời gian thử nghiệm. Hơn nữa, phần mềm TIS eFlow hoàn toàn mới đối với Tổng cục Thống kê (trước đó sử dụng phần mềm ReadSoft cho thử nghiệm trong hai năm 2007-2008). Vì thế, hệ thống xử lý còn thiếu các chương trình ứng dụng hoàn hảo ngay từ đầu mà phải qua nhiều lần điều chỉnh, sửa chữa, hoàn thiện, làm cho quá trình xử lý bị động. Các cuộc điều tra sau này cần dành nhiều thời gian hơn cho việc xây dựng, phát triển ứng dụng, nhất là cho việc kiểm tra và chạy thử.

- Giấy in và chất lượng in đặc biệt ảnh hưởng đến thời gian, chi phí và độ chính xác của việc xử lý. Giấy in phiếu cũng như việc in phiếu cũng cần được rút kinh nghiệm và nâng cao chất lượng hơn nữa. Đặc biệt là với phần mềm xử lý phiếu TIS đặt ra những yêu cầu khác biệt, cao hơn so với phần mềm ReadSoft đã sử dụng trong các thử nghiệm trước đây.

- Việc ghi phiếu cũng cần được đánh giá, rút kinh nghiệm để khắc phục tối đa những lỗi ghi sai như: viết đảo số, ghi sai cột, viết chữ số quá ngoáy hoặc quá bay bướm,… dẫn đến việc nhận dạng không chính xác, tốn nhiều công sức cho việc kiểm tra lại số liệu. Nhiều địa phương chưa làm tốt khâu tổng hợp sơ bộ, chưa quan tâm bố trí lực lượng để tự kiểm tra, hoàn thiện phiếu, nên khi gửi báo cáo kết quả sơ bộ và gửi phiếu điều tra về ba Trung tâm tin học vẫn còn nhiều sai sót.

- Phát hiện còn một số trường số liệu của phiếu điều tra mẫu đã chủ quan bỏ qua khâu verify và kiểm tra lôgíc, gây không ít khó khăn trong việc hoàn thiện số liệu phục vụ công bố kết quả điều tra mẫu. Đây là bài học cần rút kinh nghiệm nghiêm túc nhằm bảo đảm chất lượng số liệu điều tra.

- Nhiều máy quét (scanners) đã bị trục trặc nhưng không có thiết bị thay thế kịp thời, việc xử lý sự cố khá chậm chạp, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý. Đây là sự cố đột xuất xảy ra ngoài dự kiến.

- Để khắc phục tình trạng chậm tiến độ do một số trục trặc và sai sót kể trên, khâu nhập tin bằng công nghệ quét đã chủ quan không sử dụng các số liệu kiểm tra để chạy ra các cảnh báo hoặc bỏ qua những cảnh báo đó nên số liệu đã không được xem xét xác minh lại kịp thời, làm cho khâu kiểm tra kết quả đầu ra phải làm đi làm lại, mất nhiều thời gian và công sức.

Để phát huy hết hiệu quả của công nghệ quét và nhận dạng, nâng cao chất lượng và giảm thời gian xử lý cho những cuộc điều tra tiếp theo, sau khi kết thúc xử lý Tổng điều tra năm 2009, cần tổng kết toàn bộ quá trình xử lý để rút kinh nghiệm áp dụng công nghệ này trong tương lai.

7. Công tác thi đua, khen thưởng

Ngay sau khi thành lập Ban Chỉ đạo Tổng điều tra của các cấp, các ngành, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương đã chi tiết hoá kế hoạch công tác cho từng khâu công việc từ bước chuẩn bị đến khi kết thúc bước xử lý thông tin, đồng thời giao kế hoạch công tác và điểm thi đua hàng năm cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đồng thời, ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg về tổ chức Tổng điều tra, ngày 22/7/2009 Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương đã ban hành công văn số 135/BCĐTW về việc hướng dẫn tổng kết và khen thưởng của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.

Kể từ khi thực hiện Chỉ thị số 19/2007/CT-TTg ngày 03/8/2007 Thủ tướng Chính phủ về việc chuẩn bị Tổng điều tra dân số, trong hai năm qua, Thường trực Ban Chỉ đạo các cấp, các ngành đã lấy việc hoàn thành kế hoạch công tác làm nội dung cơ bản của công tác thi đua, lấy kết quả thi đua làm căn cứ đánh giá thành tích và xét khen thưởng. Đây là yếu tố quan trọng để bảo đảm tính thiết thực và công bằng của công tác thi đua, khen thưởng Tổng điều tra.

Trên cơ sở kết quả chấm thi đua và xem xét toàn diện các mặt công tác của Ban Chỉ đạo các cấp, các ngành trong việc thực hiện các công việc Tổng điều tra trong hai năm 2008-2009, căn cứ Luật Thi đua-Khen thưởng, Thông tư hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng số 08/2009/TT-BKH ngày 16/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Công văn số 135/BCĐTW ngày 22/7/2009 của Ban Chỉ đạo Trung ương, trên cơ sở đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương.

- Thủ tướng Chính phủ quyết định tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 21 tập thể và 42 cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong chỉ đạo, tổ chức, thực hiện các công tác của Tổng điều tra; và

- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định tặng bằng khen của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư cho 74 tập thể và 262 cá nhân có thành tích tiêu biểu trong chỉ đạo, tổ chức, thực hiện các công tác của Tổng điều tra.

Mặc dù những phần thưởng nói trên chỉ dành cho những tập thể và cá nhân tiêu biểu, song đã thể hiện sự ghi nhận và đánh giá cao của Chính phủ đối với thành tích đóng góp của cả bộ máy trong quá trình tổ chức, thực hiện cuộc Tổng điều tra.

II. NGUYÊN NHÂN VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 đã thu được những kết quả quan trọng và cơ bản. Ngày 13/8/2009 Ban Chỉ đạo Trung ương đã công bố kết quả sơ bộ, ngày 31/12/2009 công bố các kết quả suy rộng mẫu và hôm nay công bố kết quả điều tra toàn bộ của cuộc Tổng điều tra. Các kết quả nói trên đã được cung cấp kịp thời, đúng kế hoạch đến các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đối tượng sử dụng thông tin khác.

Trong quá trình tổ chức thực hiện cuộc Tổng điều tra, có thể rút ra một số nguyên nhân và bài học kinh nghiệm chủ yếu sau đây:

Một là, cuộc Tổng điều tra đã được cả hệ thống chính trị quan tâm chỉ đạo, được nhân dân cả nước nhiệt tình hưởng ứng, Ban chỉ đạo các cấp, các ngành và đặc biệt là đồng chí Trưởng ban đã quan tâm, chỉ đạo sát sao. Đây là nguyên nhân quan trọng nhất, nguyên nhân của mọi nguyên nhân dẫn đến thắng lợi của cuộc Tổng điều tra.

Hai là, công tác chuẩn bị đã được tiến hành thận trọng, khoa học và có đủ căn cứ thực tế. Dựa trên những ý kiến xây dựng của các cấp, các ngành kể từ Hội thảo với người dùng tin, tiếp thu những khuyến nghị và có sự hỗ trợ kỹ thuật quốc tế, chúng ta đã mạnh dạn đổi mới công nghệ, đổi mới phương pháp, tiến hành nhiều cuộc điều tra thí điểm, điều tra tổng duyệt tại các địa bàn đa dạng trên nhiều vùng miền khác nhau, từng bước tổng kết rút ra nhiều kinh nghiệm bổ ích nhằm giảm thiểu các sai sót có thể xảy ra.

Thực tế đã cho thấy, việc nâng cỡ mẫu lên 15% dân số là quyết định đúng đắn, giúp cho việc mở rộng nội dung điều tra, nâng cao chất lượng điều tra nhất là đối với những câu hỏi nhạy cảm và phức tạp, tiết kiệm đáng kể kinh phí tổng điều tra và kịp thời cung cấp thêm nhiều chỉ tiêu đại diện đến cấp huyện. Việc hoàn thiện khái niệm *nhân khẩu đặc thù* lần này theo kinh nghiệm quốc tế là một bước tiến trong thống kê dân số, giúp giảm thiểu được công sức trong việc tiếp cận thu thập thông tin, nâng cao chất lượng nhiều chỉ tiêu phức tạp và phù hợp với đặc điểm cư trú của các nhóm nhân khẩu "đặc thù" này. Hơn nữa, quyết định cải tiến cách xác định địa bàn điều tra, lấy thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố làm đơn vị phân chia địa bàn làm cho việc quản lý điều tra thuận lợi hơn và hạn chế khả năng trùng/sót.

Ba là, do đặt đúng vai trò của công tác rà soát ranh giới lãnh thổ hành chính giữa các cấp, vẽ sơ đồ và lập bảng kê địa bàn là nhiệm vụ trọng tâm của công tác chuẩn bị, nên công tác này đã được triển khai thực hiện quyết liệt trong hoàn cảnh thay đổi địa giới hành chính và phân bố lại dân cư diễn ra liên tục và sôi động trong 10 năm qua. Việc xác định đúng đắn đơn vị phân chia địa bàn và đưa ra những quy định phù hợp với đặc điểm dân cư của các vùng địa lý khác nhau đã giúp cho việc vẽ sơ đồ và lập bảng kê được thuận lợi, đạt kết quả rất cao: so với kết quả chính thức, hệ thống sơ đồ và bảng kê đã đạt 98,2% về số hộ và 99,8% về tổng số dân.

Bốn là, công tác hậu cần đã trợ giúp đắc lực cho các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ Tổng điều tra. Kinh phí (tính chuyển qua đô la Mỹ) cho cuộc Tổng điều tra lần này tăng 2,7 lần so với năm 1999, vật tư, thiết bị và văn phòng phẩm cũng tăng lên theo yêu cầu bảo quản phiếu của công nghệ quét. Đây là lần đầu tiên áp dụng cơ chế đấu thầu rộng rãi cho Tổng điều tra, một số trục trặc của gói thầu mua sắm văn phòng phẩm cho chúng ta một bài học là phải tăng cường kiểm tra giám sát chặt chẽ hơn nữa trong quá trình triển khai thực hiện của các nhà thầu, nhất là trong điều kiện thời gian eo hẹp.

Năm là, sau khi kết thúc điều tra tổng duyệt, chỉ trong một thời gian rất ngắn, chúng ta đã khẩn trương phát triển các sổ tay đào tạo và bộ đĩa DVD kèm theo máy chiếu làm phương

tiện nghe-nhìn để hỗ trợ công tác tập huấn của các cấp. Đây là những phương tiện thật sự hữu ích để nâng cao chất lượng và độ đồng đều cho khoảng 5.000 lớp tập huấn trong cả nước, là yếu tố tác động trực tiếp đến chất lượng thu thập thông tin. Bên cạnh những thành công này, cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với một số địa phương do thiếu trách nhiệm đã không sử dụng có hiệu quả những phương tiện này, thậm chí cắt bớt khá nhiều thời gian tập huấn, làm ảnh hưởng đến chất lượng điều tra ghi phiếu.

Sáu là, công tác tuyên truyền đã được chuẩn bị sớm và chu đáo. Chỉ thị của Ban Bí thư cùng với quyết định và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ đã được các cấp uỷ Đảng, chính quyền và Ban chỉ đạo các cấp quán triệt triển khai nghiêm túc, tác động mạnh mẽ đến toàn bộ hoạt động Tổng điều tra nói chung và công tác tuyên truyền nói riêng. Chiến dịch tuyên truyền không chỉ chuyển tải các tài liệu và phương tiện sẵn có, mà quan trọng hơn, đã thu hút tất cả các cơ quan truyền thông (cả trong nước và quốc tế), các đoàn thể quần chúng và nhân dân tích cực tham gia dưới nhiều hình thức khác nhau. Công tác tuyên truyền đã tạo nên "Ngày hội Tổng điều tra", thấm sâu đến tận các bản làng heo hút, tạo thành sức mạnh của quần chúng nhân dân coi Tổng điều tra là nhiệm vụ của chính mình. Nguyên nhân của sự thành công này là đã kết hợp ý Đảng với lòng dân, bắt nguồn từ sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và chính quyền các cấp.

Bảy là, các phương tiện thông tin đại chúng đã truyền đạt kịp thời ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ-Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương và Công điện số 547/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã thúc đẩy hệ thống Ban chỉ đạo các cấp đồng loạt ra quân, không kể mưa bão và địa hình khó khăn, thực hiện nghiêm túc Phương án và các quy định điều tra. Công tác kiểm tra giám sát điều tra đã được Ban chỉ đạo các cấp quán triệt đầy đủ, lên kế hoạch thực hiện và phân công các thành viên Ban chỉ đạo và Văn phòng giúp việc bám sát địa bàn. Các cấp uỷ Đảng, Chính quyền và Ban Chỉ đạo các cấp đã quyết định hoãn các cuộc họp, duy trì báo cáo tiến độ, huy động toàn bộ lực lượng, hệ thống thông tin và đường dây nóng để phục công tác chỉ đạo điều hành thông suốt. Nhìn chung, Ban Chỉ đạo các cấp đã duy trì được tiến độ, điều tra đúng quy trình, kiểm tra và rút kinh nghiệm kịp thời, chất lượng điều tra và ghi phiếu khá tốt.

Bên cạnh những thành tích trên, nhiều địa phương còn vi phạm các quy định về báo cáo tiến độ và tổng hợp kết quả sơ bộ, đội ngũ tổ trưởng nặng về đôn đốc tiến độ mà thiếu kiểm tra chất lượng, mắc khá nhiều lỗi về thực hiện quy trình phỏng vấn và ghi phiếu điều tra.

Tám là, với sự chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Tổng cục Thống kê và sự giúp đỡ có hiệu quả của các tổ chức quốc tế, chúng ta đã tổ chức thử nghiệm công phu và áp dụng thành công giải pháp công nghệ quét và nhận dạng. Mặc dù vậy, sau khi xử lý xong bài toán Tổng điều tra 2009, cần tổng kết rút kinh nghiệm về thiết kế phiếu và quy trình xử lý, giấy in và chất lượng in phiếu, khắc phục kịp thời các trục trặc về thiết bị, cách ghi chữ và số trong phiếu điều tra, đặc biệt là phải bảo đảm quy trình kiểm tra kết quả nhập tin một cách nghiêm ngặt.

Chín là, công tác kiểm tra đánh giá và thẩm định kết quả đã được chỉ đạo sát sao, qua nhiều lần và nhiều công đoạn của cuộc Tổng điều tra. Đến nay, chúng ta có thể yên tâm với chất lượng số liệu Tổng điều tra.

IV. KẾ HOẠCH SẮP TỚI

Nhiệm vụ còn lại của cuộc Tổng điều tra tuy không lớn như những gì chúng ta đã trải qua, song lại có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong thời gian tới, cần tập trung làm tốt các việc sau đây:

1. Việc tổ chức thu thập được thông tin có chất lượng cao đã là một thành công lớn, song điều quan trọng hơn và cũng là mục tiêu của cuộc Tổng điều tra là phải sử dụng có hiệu quả nguồn số liệu vô giá này. Vì vậy, các cấp và các ngành phải tiến hành phân tích, biên soạn các báo cáo và lập dự báo để phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đối tượng sử dụng thông tin khác.

2. Để phục vụ tốt các nhu cầu sử dụng thông tin, cần đầu tư nguồn lực để sản xuất, nhân bản và cung cấp rộng rãi số liệu Tổng điều tra trên các phương tiện phổ biến thông tin hiện có, như: đĩa CD-ROM, atlas điện tử, ấn phẩm, tờ gấp, sách bỏ túi, các sản phẩm điện tử khác, đưa kết quả Tổng điều tra lên trang web,…

3. Việc lập dàn mẫu chủ và xây dựng cơ sở dữ liệu Tổng điều tra, trong đó bao gồm cả thiết lập cơ sở dữ liệu về hệ thống thông tin địa lý (GIS) từ hệ thống bản đồ hành chính đã số hoá của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các sơ đồ địa bàn điều tra chi tiết là hết sức quan trọng. Đây là cơ hội hiếm có để có thể thực hiện việc này. Đề nghị Chính phủ quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, kêu gọi hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cả trong nước và nước ngoài để xây dựng thành công hệ thống GIS đầu tiên về Tổng điều tra của Việt Nam.

Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 đã thành công tốt đẹp. Với sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ mà trực tiếp là Đồng chí Trưởng ban và có sự hỗ trợ quốc tế; với tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo của các Bộ, ngành và địa phương, chúng ta tin tưởng và xin hứa với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sẽ tiếp tục hoàn thành tốt các công việc còn lại, hoàn thành trọn vẹn cuộc Tổng điều tra này./.

BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

PHỤ LỤC 17C: Báo cáo kết quả điều tra toàn bộ trình bày tại Hội nghịcông bố kết quả điều tra toàn bộ và tổng kết Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, Hà Nội ngày 21/7/2010

BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ
NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA TOÀN BỘ TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2009

(Hội nghị công bố kết quả điều tra toàn bộ và tổng kết Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, Hà Nội ngày 21/7/2010)

Ngay sau khi công bố số liệu điều tra mẫu vào cuối năm 2009, Ban chỉ đạo Trung ương đã tiếp tục xử lý kết quả điều tra toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009. Công việc tổng hợp và kiểm tra kết quả toàn bộ của Tổng điều tra tại Trung tâm Tin học Thống kê và Văn phòng Ban Chỉ đạo Tổng điều tra Trung ương đã kết thúc vào trung tuần tháng 6 năm 2010. Những chỉ tiêu quan trọng về dân số của kết quả toàn bộ cũng được trưng cầu ý kiến các tỉnh, thành phố và một số bộ, ngành Trung ương để kiểm tra và thảo luận tại một số hội thảo.

Hôm nay, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương công bố kết quả toàn bộ của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 tiến hành vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2009 với các tài liệu sau: báo cáo kết quả chính thức, cuốn sách bỏ túi tóm tắt các chỉ tiêu chủ yếu của Tổng điều tra và cuốn sách báo cáo phân tích dựa vào số liệu điều tra mẫu. Các báo cáo phân tích chuyên đề về kết quả của cuộc Tổng điều tra đang được soạn thảo. Hy vọng, các ấn phẩm đó sẽ được phổ biến sớm trong Quý IV năm 2010.

Dưới đây là kết quả chính thức chủ yếu nhất của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009. Những số liệu công bố chính thức lần này thay thế kết quả sơ bộ của cuộc Tổng điều tra đã công bố trước đây.

Số lượng, gia tăng và cơ cấu dân số

1. Kết quả toàn bộ cho thấy, vào thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2009 dân số Việt Nam là 85.846.997 người[2]. Tính từ cuộc Tổng điều tra trước, số dân nước ta tăng thêm 9.523 nghìn người, bình quân mỗi năm tăng 952 nghìn người.

Có 3 đơn vị cấp tỉnh có quy mô dân số lớn hơn 3 triệu người. Đó là thành phố Hà Nội (6.452 nghìn người), thành phố Hồ Chí Minh (7.163 nghìn) và tỉnh Thanh Hoá (3.401 nghìn người); và có 5 tỉnh có quy mô dân số dưới 500.000 người (Bắc Kạn, Điện Biên, Lai Châu, Kon Tum và Đắk Nông. Số lượng dân số chia theo tỉnh, thành phố được trình bày trong Phụ lục 1.

2. Theo số liệu Tổng điều tra 2009 có 54 dân tộc anh em sinh sống trên lãnh thổ của cả nước, trong đó dân tộc Kinh có 73,594 triệu người (chiếm 85,7%) và các dân tộc còn lại có 12,253 triệu người (chiếm 14,3%). Các dân tộc thiểu số có số lượng trên

2 Tăng 57.424 người so với số liệu tổng hợp sơ bộ, chiếm 0,07% tổng số. Đây là tỷ lệ sai sót thấp.

một triệu người, gồm: dân tộc Tày: 1.626.392 người, chiếm 1,9%; dân tộc Thái: 1.550.423 người (1,8%); dân tộc Mường: 1.268.963 người (1,5%); dân tộc Khmer: 1.260.640 người (1,5%) và dân tộc Mông: 1.068.189 người (1,2%). Tỷ suất tăng dân số bình quân năm giữa 2 cuộc Tổng điều tra 1999 và 2009 của cả nước là 1,2%, trong đó tỷ suất tăng dân số của dân tộc Kinh là 1,1%, thấp hơn nhiều so với con số đó của các dân tộc thiểu số (1,6%). Dân số chia theo dân tộc được trình bày ở Phụ lục 2.

Cũng theo số liệu của Tổng điều tra, nước ta có nhiều tôn giáo khác nhau, trong đó có 3 tôn giáo với số người tin theo lớn hơn 1 triệu người. Đó là: Phật giáo có 6.802.318 người, chiếm 43,5% trong tổng số người theo các tôn giáo; Công giáo có 5.677.086 người (36,3%), và Phật giáo Hoà Hảo có 1.433.252 người (9,2%). Số lượng người theo các tôn giáo năm 2009 tăng 932 ngàn người so với con số đó của Tổng điều tra 1999. Điều này phản ánh chính sách tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo của Đảng và nhà nước ta. Dân số chia theo tôn giáo được trình bày ở Phụ lục 3.

Trước Hội nghị này, khi được hỏi ý kiến, Uỷ ban Dân tộc và Ban Tôn giáo Chính phủ đã đánh giá cao số liệu về dân tộc và tôn giáo thu thập được trong Tổng điều tra 2009.

3. Mức gia tăng dân số tiếp tục giảm. Tỷ suất tăng dân số bình quân năm giảm từ 1,7% thời kỳ 1989-1999 xuống 1,2% của thời kỳ 1999-2009.

Các số đo phản ánh mức sinh của Tổng điều tra 2009, như tổng tỷ suất sinh và tỷ suất sinh thô, tính cho 12 tháng trước thời điểm điều tra giảm so với kết quả Tổng điều tra 1999, tương ứng là 2,0 con/phụ nữ và 17,6 phần nghìn so với 2,3 con/phụ nữ và 19,9 phần nghìn.

4. Từ năm 2006 đến nay, tổng tỷ suất sinh của nước ta liên tục giảm và đạt dưới mức sinh thay thế (2,03 con/phụ nữ). Một dân số đạt mức sinh thay thế hoặc dưới mức sinh thay thế nhìn chung vẫn tiếp tục tăng về số lượng sinh trong vài thập kỷ tiếp theo, bởi vì mức sinh cao trong quá khứ dẫn đến sự tập trung cao số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ và do vậy tổng số sinh tiếp tục tăng lên và vượt quá tổng số chết. Xu thế dân số tiếp tục gia tăng sau khi đạt mức sinh thay thế gọi là xung lượng dân số. Có thể phải hai hoặc ba thế hệ sau (từ 50 đến 70 năm) khi mỗi trường hợp sinh ra sống được cân bằng bởi một người chết trong dân số thì dân số mới đạt được trạng thái "dừng".

5. Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi của Tổng điều tra 2009 tính cho 12 tháng trước thời điểm điều tra giảm xuống còn 16 phần nghìn so với 36,7 phần nghìn trong Tổng điều tra 1999. Điều này nói lên sự thành công của các chương trình y tế quốc gia nói chung, cũng như của chương trình chăm sóc sức khoẻ bà mẹ trẻ em nói riêng.

6. Tỷ suất chết thô của Tổng điều tra 2009 tăng 1 điểm phần nghìn so với con số đó của Tổng điều tra dân số 1999 (6,8 so với 5,6 phần nghìn), chủ yếu là do số lượng người già tăng mạnh.

7. Cơ cấu dân số theo tuổi có sự thay đổi theo hướng tích cực. Tỷ trọng dân số dưới 15 tuổi giảm từ 33,1% vào năm 1999 xuống còn 24,5% vào năm 2009. Ngược lại, tỷ trọng dân số nhóm tuổi 15-64 (là nhóm tuổi chủ lực của lực lượng lao động) tăng từ 61,1% lên 69,1% và nhóm dân số từ 65 tuổi trở lên tăng từ 5,8% lên 6,4%.

8. Đây là thời kỳ dân số nước ta có ưu thế về lực lượng lao động, đôi khi còn được gọi là thời kỳ của "cơ cấu dân số vàng". Có nhiều cách phân biệt khác nhau về thời kỳ này. Liên Hợp Quốc định nghĩa đó là thời kỳ mà tỷ trọng trẻ em dưới 15 tuổi giảm xuống dưới 30% và tỷ trọng người già từ 65 tuổi trở lên còn ở mức dưới 15% trong tổng dân số.

Châu Âu trải qua thời kỳ này từ năm 1950 đến năm 2000. Trung Quốc bắt đầu thời kỳ này vào năm 1990 và hy vọng kéo dài đến năm 2015. Ấn Độ sẽ chuyển vào thời kỳ này năm 2010 và có thể kéo dài đến giữa thế kỷ này. Nhiều nước ở Châu Phi sẽ chưa có thời kỳ này trước 2015 hoặc chậm hơn.

Theo khái niệm nói trên, thời kỳ cơ cấu dân số vàng của nước ta bắt đầu từ cách đây khoảng 6 năm (vào năm 2003, 2004). Thời kỳ này có thể kéo dài từ 30 đến 50 năm. Rõ ràng đây là một lợi thế rất lớn đối với sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, nếu tận dụng được tính ưu việt về lực lượng lao động của thời kỳ này trong vài thập kỷ tới.

Do tỷ lệ người già tăng trong khi tỷ lệ trẻ em giảm mạnh trong thập kỷ 1999-2009, chỉ số già hoá của dân số nước ta tăng 11 điểm phần trăm, từ 24,3% lên 35,5%. Chỉ số già hoá của nước ta năm 2009 cao hơn mức trung bình của các nước khu vực Đông Nam Á (30%), tương đương với con số đó của Inđônêsia và Philíppin, nhưng thấp hơn của Singapore (85%) và Thái Lan (52%).

9. Tỷ số giới tính khi sinh là tỷ số giữa số trẻ sinh ra là trai và số trẻ sinh ra là gái, được biểu thị bằng số bé trai trên 100 bé gái trong tổng số sinh trong thời kỳ nghiên cứu (thường là 12 tháng trước điều tra). Tỷ số giới tính khi sinh thông thường lớn hơn 100, vì xác xuất sinh trai lớn hơn xác xuất sinh gái. Con số này giảm dần theo tuổi do mức tử vong của nam lớn so với của nữ.

Tỷ số giới tính khi sinh của nước ta thu được trong Tổng điều tra 2009 là 110,5 bé trai trên 100 bé gái, cao hơn một chút so với con số thông thường 105-106. Con số này chưa phải là cao ở mức báo động. Tuy nhiên, cần có những biện pháp ngăn chặn hiện tượng lựa chọn giới tính dẫn đến mất cân bằng giới tính, như một số nước ở Châu Á đang đối mặt (Trung Quốc, Ấn Độ…).

Tỷ số giới tính của dân số nhóm 0-4 tuổi là 108,7 bé trai trên 100 bé gái. Còn tỷ số giới tính của toàn bộ dân số nước ta từ trước đến nay luôn nhỏ hơn 100. Ngoài nguyên nhân chủ yếu (nam giới có mức tử vong trội hơn nữ giới) như trên đã đề cập, hiện tượng này của Việt Nam còn bị ảnh hưởng của các cuộc chiến tranh trong thế kỷ 20. Tuy nhiên, con số này có xu hướng tăng liên tục sau khi nước ta thống nhất vào năm 1975. Cụ thể, tỷ số giới tính thu thập được của các cuộc Tổng điều tra 1989, 1999 và 2009 tương ứng là 94,2; 96,4 và 97,6 nam/100 nữ.

Di cư và phân bố dân cư

10. Trong Tổng điều tra dân số, di cư được định nghĩa là số người thay đổi nơi thực tế thường trú qua ranh giới lãnh thổ hành chính trong thời kỳ 5 năm trước thời điểm Tổng điều tra.

Trong 5 năm 2004-2009, số người di cư tăng hơn 2,2 triệu người so với thời kỳ 1994-1999, đặc biệt là số người di cư tăng theo khoảng cách di cư. Trong khi di cư trong huyện chỉ tăng 275 nghìn người và di cư giữa các huyện trong cùng tỉnh tăng 571 nghìn người, thì di cư giữa các tỉnh tăng gần 1,4 triệu người và di cư giữa các

vùng tăng hơn 1 triệu người. Điều này chứng tỏ sự phát triển nhanh về kinh tế-xã hội và sự mở rộng thị trường lao động đã tác động mạnh đến các luồng di cư trong 10 năm qua.

Có nhiều nguyên nhân để người dân di cư, nhưng chủ yếu là để tìm việc làm. Di cư có mối quan hệ hữu cơ với sự phát triển kinh tế. Thời kỳ 2004-2009 là thời kỳ các khu công nghiệp, chế xuất được xây dựng ở nhiều nơi trên cả nước với nhịp độ cao. Những cơ sở sản xuất này cần lao động có tay nghề đến làm việc. Hơn nữa, trong thời kỳ này người dân di chuyển ồ ạt tới các thành phố, đô thị tìm kiếm việc làm để mưu sinh. Đây cũng là hiện tượng thường gặp ở các nước đang phát triển.

11. Phân bố lại dân số tiếp tục diễn ra. Dân số của khu vực thành thị là 25.436.896 người, chiếm 29,6% tổng số dân cả nước, tăng 6 điểm phần trăm so với năm 1999. Dân số của khu vực nông thôn là 60.410.101 người.

Như trên đã đề cập, tỷ suất tăng dân số bình quân năm giữa 2 cuộc Tổng điều tra của cả nước là 1,2%. Con số đó của khu vực thành thị là 3,4%, của khu vực nông thôn là 0,4%. Trong thời kỳ 1999-2009, mức sinh của nông thôn cao hơn của thành thị, còn mức chết chênh lệch không đáng kể giữa hai khu vực. Vì vậy, những con số trên cho thấy trong thời kỳ 2004-2009 đã có luồng di dân lớn từ nông thôn vào thành thị. Cụ thể là trong 5 năm trước Tổng điều tra, số nhập cư thuần từ khu vực nông thôn vào thành thị là 1.395 nghìn người, không kể số người thay đổi nơi cư trú do thay đổi đơn vị hành chính từ xã chuyển thành thị trấn/phường.

12. Phân bố lại dân số theo vùng kinh tế - xã hội vẫn diễn ra như mô hình của 10 năm trước đây. Hai vùng nhận dân đến là Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Bốn Vùng còn lại (Trung du và miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long) là vùng xuất cư. Hiện tượng này làm cho tỷ trọng dân số của hai vùng đầu tăng lên, còn của bốn vùng sau giảm so với năm 1999.

Cường độ di cư cũng có sự thay đổi căn bản. Đối với hai vùng nhận dân, tỷ suất di cư thuần của Tây Nguyên giảm, ngược lại con số đó của Đông Nam Bộ tăng mạnh. Tỷ suất di cư thuần của Đông Nam Bộ là 117 phần nghìn, tức là trong 10 người dân hiện nay của Đông Nam Bộ có 1 người từ nơi khác chuyển đến.

Một số tỉnh, thành phố có di cư thuần cao nhất là Bình Dương (340 phần nghìn), thành phố Hồ Chí Minh (136 phần nghìn), Đà Nẵng (77 phần nghìn), Đồng Nai (66 phần nghìn), Đắk Nông (66 phần nghìn) và Hà Nội (50 phần nghìn). Những địa phương có tỷ suất nhập cư cao, cần quan tâm để có biện pháp phù hợp và hiệu quả nhằm đảm bảo các điều kiện sống cho người nhập cư, như nhà ở, việc làm, trường học, y tế, …

Đối với 4 vùng xuất cư, cường độ xuất cư của Đồng bằng sông Hồng giảm, còn của ba vùng còn lại tăng, tăng mạnh nhất là của Đồng bằng sông Cửu Long.

13. Dân số phân bố không đều trên sáu vùng kinh tế - xã hội của đất nước. Vùng đông dân nhất là Đồng bằng sông Hồng (19,6 triệu người), tiếp đến là Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (18,8 triệu người) và Đồng bằng sông Cửu Long (17,2 triệu người). Vùng có số dân ít nhất là Tây Nguyên, gồm 5 tỉnh với dân số là 5,1 triệu người.

Số liệu cho thấy, dân số Việt Nam phân bố không đều và có sự khác biệt lớn theo vùng. Hai vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long có 43% dân

số của cả nước sinh sống. Ngược lại, vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Tây Nguyên, là những vùng núi cao, nơi các dân tộc thiểu số sinh sống chủ yếu, chỉ chiếm dưới một phần năm (gần 19%) dân số của cả nước.

Do dân số tăng lên, mật độ dân số Việt Nam đã tăng từ 231 người/km^2 năm 1999 lên 259 người/km^2 năm 2009. Mật độ dân số Việt Nam thuộc loại cao, đứng hàng thứ ba ở khu vực Đông Nam Á (chỉ sau Xinh-ga-po và Phi-líp-pin). Đồng bằng sông Hồng là vùng có mật độ dân số cao nhất (930 người/km^2), thứ hai là Đông Nam Bộ (596 người/km^2), thấp nhất là Tây Nguyên (94 người/km^2).

14. Trong 10 năm qua, tỷ suất tăng dân số bình quân thấp nhất ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (0,4%/năm), là vùng có quy mô dân số lớn thứ hai, tiếp theo là Đồng bằng sông Cửu Long (0,6%/năm), vùng có số dân đông thứ ba của cả nước. Đông Nam Bộ là vùng có tỷ suất tăng dân số cao nhất (3,3%/năm). Mặc dù Tây Nguyên là vùng có số dân và mật độ dân số thấp nhất, nhưng do vùng này có mức nhập cư cao, vì vậy dân số đã tăng nhanh với tỷ suất tăng dân số bình quân là 2,3%/năm trong thời kỳ 1999-2009.

Tình trạng hôn nhân và tuổi kết hôn trung bình lần đầu

15. Tỷ trọng dân số từ 15 tuổi trở lên chưa bao giờ kết hôn của nước ta là 26,8%. Tỷ trọng này của khu vực thành thị là 30,5% và nông thôn là 25,1%.

Kinh nghiệm cho thấy, trong điều kiện hôn nhân bình thường, tuổi kết hôn trung bình lần đầu càng thấp thì thời gian hôn nhân càng dài, vì vậy khả năng tham gia vào quá trình sinh đẻ càng cao. Đến nay, nam kết hôn lần đầu ở độ tuổi 26,2 trong khi nữ kết hôn ở tuổi 22,8, thấp hơn nam giới 3,4 tuổi. So với kết quả Tổng điều tra năm 1999, tuổi kết hôn trung bình lần đầu của nam tăng một tuổi trong khi tuổi này của nữ không thay đổi.

Số liệu của Tổng điều tra cho thấy, Đông Nam Bộ là vùng có tuổi kết hôn trung bình lần đầu cao nhất trong cả nước (27,4 năm đối với nam, và 24,2 năm đối với nữ), tiếp sau là Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung. Tuổi kết hôn trung bình lần đầu của Trung du và miền núi phía Bắc là thấp nhất (24,2 năm cho nam và 21,3 năm cho nữ), tiếp theo là Tây Nguyên (25,2 năm cho nam và 21,8 năm cho nữ). Hai vùng này có tỷ trọng cao dân số thuộc các dân tộc thiểu số sinh sống.

Nhìn chung, ở đâu có mức độ đô thị hóa cao hơn và kinh tế phát triển hơn thì ở đó người dân kết hôn muộn hơn.

Trình độ học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật

16. Tỷ lệ biết chữ của dân số từ 15 tuổi trở lên đã liên tục tăng qua hai cuộc Tổng điều tra gần đây nhất: 90,3% năm 1999 và 94,0% năm 2009. Trong 10 năm qua, tỷ lệ biết chữ của nữ tăng 4,9 điểm phần trăm trong khi tỷ lệ này của nam chỉ tăng 2,2 điểm phần trăm, làm cho chênh lệch về tỷ lệ biết chữ giữa nam và nữ được thu hẹp đáng kể. Tỷ lệ biết chữ của dân số nam và nữ 15 tuổi trở lên tương ứng là 96,1% và 92,0% của năm 2009. Các con đó của năm 1999 là 93,9% và 86,9%.

Phân tổ tỷ lệ biết chữ theo nhóm tuổi cho thấy tình hình giáo dục của nước ta đã được cải thiện rõ nét qua từng giai đoạn: tỷ lệ biết chữ của nhóm 50 tuổi trở lên là 88,0%, tỷ lệ biết chữ của nhóm tuổi trẻ hơn tăng dần khi độ tuổi giảm đi và đạt mức cao nhất là xấp xỉ 98% ở nhóm tuổi 15-17 tuổi đối với cả nam và nữ.

Số liệu của Tổng điều tra 2009 cũng cho thấy sự chênh lệch về tỷ lệ biết chữ giữa thành thị và nông thôn cũng rất thấp: 97,3% ở thành thị và 92,5% ở nông thôn. Vùng đồng bằng sông Hồng có tỷ lệ biết chữ cao nhất (97,5%), thấp nhất là vùng Trung du và miền núi phía Bắc (88,1%). Địa phương có tỷ lệ biết chữ cao nhất là Hà Nội, Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh (97,9%) và thấp nhất là Lai Châu (59,4%).

Các con số trên cho thấy, tỷ lệ biết chữ không những tăng khá nhanh, mà còn thể hiện những thành công của công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục ở nước ta.

Đến nay, tỷ lệ người từ 5 tuổi trở lên đã từng đi học là 95,0% . Trong đó, tỷ lệ của nam giới là 96,5%, nữ là 93,5%, thành thị là 97,5%, nông thôn là 93,9%.

Theo kết quả của Tổng điều tra 2009, chỉ có dưới 4 triệu người chưa bao giờ đi học, chiếm 5,0% tổng dân số 5 tuổi trở lên, giảm 5 điểm phần trăm so với con số đó của Tổng điều tra 1999 (6,9 triệu người, chiếm 10,0% dân số 5 tuổi trở lên). Điều này cho thấy những cố gắng đáng kể của ngành giáo dục trong việc giảm thiểu số lượng người không đến trường.

Tuy nhiên còn có sự khác biệt của tỷ lệ người chưa đi học theo vùng kinh tế xã hội. Tây Nguyên và Trung du và miền núi phía Bắc có tỷ lệ chưa đi học cao nhất cả nước và cao hơn mức đi học chung của cả nước (tương ứng là 9,1% và 10,0%), đây là 2 vùng tập trung các dân tộc thiểu số, địa hình đi lại khó khăn và điều kiện kinh tế thấp hơn so với các vùng khác.

Trong số 55,7 triệu người 5 tuổi trở lên đã thôi học vào thời điểm điều tra, có 88,4% đã theo các các bậc học phổ thông (27,0%: tiểu học và dưới tiểu học; 42,8%: trung học cơ sở; và 18,6%: phổ thông trung học), 4,9 đã theo học nghề (sơ cấp, trung cấp), 1,7% đã theo học cao đẳng (bao gồm cả cao đẳng nghề) và 5,0% đã theo học đại học trở lên.

Trong số 19,2 triệu người 5 tuổi trở lên đang đi học vào thời điểm điều tra, có 87,6% đang theo các các bậc học phổ thông (7,4%: mầm non, 34,7%: tiểu học; 28,2%: trung học cơ sở; và 17,2%: phổ thông trung học), 2,7% đang theo học nghề (sơ cấp, trung cấp), 3,2% đang theo học cao đẳng (bao gồm cả cao đẳng nghề) và 6,6% đã theo học đại học trở lên.

Có sự khác biệt đáng kể về trình độ học vấn giữa các vùng. Hai vùng có mức độ phát triển cao nhất về kinh tế - xã hội là Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ có tỷ trọng dân số tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên cao nhất, tương ứng 30,1% và 27,2%. Ngược lại, Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ trọng dân số chưa tốt nghiệp tiểu học cao nhất (32,8%) tiếp đến là Tây Nguyên (25,7%).

18. Để bảo đảm yêu cầu so sánh quốc tế, giống như năm 1999, Tổng điều tra lần này chỉ thu thập thông tin đã được cấp bằng hoặc chứng chỉ về trình độ chuyên môn kỹ thuật đối với những người từ 15 tuổi trở lên, tức là những người đã được đào tạo chuyên môn kỹ thuật.

Một người được xác định là người có trình độ "Sơ cấp", nếu trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã được đào tạo và được cấp chứng chỉ là trình độ sơ cấp hoặc dạy nghề dưới 3 tháng.

Một người được xác định là người có trình độ "Trung cấp", nếu trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã được đào tạo và được cấp chứng chỉ của người đó là trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung cấp nghề.

Một người được xác định là người có trình độ "Cao đẳng", nếu trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã được đào tạo và được cấp chứng chỉ của người đó là cao đẳng hoặc cao đẳng nghề.

Một người được xác định là người có trình độ "Đại học trở lên", nếu người đó đã được đào tạo và được cấp bằng đại học, thạc sỹ hoặc tiến sỹ.

Kết quả suy rộng mẫu cho thấy có 8,6 triệu người đã được đào tạo, chiếm 13,3% tổng dân số từ 15 tuổi trở lên; trong đó 2,6% đã tốt nghiệp sơ cấp, 4,7% trung cấp, 1,6% cao đẳng, 4,2% đại học và 0,2% trên đại học.

Số người 15 tuổi trở lên chưa được đào tạo chuyên môn kỹ thuật của cả nước vẫn chiếm tỷ lệ cao (86,7%), thấp nhất là vùng Đồng bằng sông Hồng (80,6%) và cao nhất là Đồng bằng sông Cửu Long (93,4%). Số người chưa được đào tạo chuyên môn kỹ thuật còn nhiều, chủ yếu do lao động cá thể trong nông-lâm-thuỷ sản chiếm tỷ trọng cao.

Trong tổng số người từ 15 tuổi trở lên, số người đã được đào tạo chuyên môn kỹ thuật chiếm 25,3% ở khu vực thành thị (tăng 8 điểm phần trăm so với năm 1999) và 8% ở khu vực nông thôn (tăng 4 điểm phần trăm so với năm 1999). Tỷ lệ những người có trình độ từ trung học nghề trở xuống của khu vực thành thị cao gấp 2 lần so với con số đó của khu vực nông thôn. Còn tỷ lệ những người có trình độ từ cao đẳng trở lên của khu vực thành thị cao gấp 5 lần so với con số đó của khu vực nông thôn.

Tuy nhiên, cũng có thể nhận thấy, tỷ trọng số người được đào tạo về chuyên môn kỹ thuật còn khá thấp (13,3%), phản ánh chất lượng chưa cao của lực lượng lao động của nước ta. Hơn nữa một điều đáng quan tâm là, số người đi học nghề (sơ cấp, trung cấp) có xu hướng giảm, còn số người đi học cao đẳng, đại học trở lên có xu hướng tăng.

Tình trạng khuyết tật

19. Trong Tổng điều tra 2009 có 4 câu hỏi về tình trạng khuyết tật của 4 chức năng chủ yếu: nhìn, nghe, vận động (đi bộ) và ghi nhớ (tập trung chú ý) được hỏi cho các thành viên từ 5 tuổi trở lên. Mức độ khuyết tật được phân thành 4 mức độ sau: *"Không khó khăn", "Khó khăn", "Rất khó khăn" và "Không thể"*.

Nếu định nghĩa người "không bị khuyết tật" là người có cả 4 chức năng nói trên được xếp vào loại "Không khó khăn"; và người "không thể nhìn hoặc nghe, hoặc vận động hoặc ghi nhớ" là người có ít nhất một chức năng nói trên được xếp vào loại "Không thể". Số liệu cho thấy, có 92,2% dân số 5 tuổi trở lên không khuyết tật. Con số đó của nam là 92,9% và của nữ là 91,5%. Tỷ lệ người không thể nhìn hoặc nghe, hoặc vận động hoặc ghi nhớ của dân số 5 tuổi trở lên là 4,9 phần nghìn. Tỷ lệ này hầu như không có khác biệt theo giới tính (nam: 4,8 và nữ: 5,0 phần nghìn).

Nếu nghiên cứu những người có ít nhất một loại khó khăn từ mức *"Khó khăn"* trở lên (nghe, hoặc nhìn, hoặc vận động, hoặc ghi nhớ), thì cả nước có 6,1 triệu người từ 5 tuổi trở lên (chiếm 7,8% dân số từ 5 tuổi trở lên). Tỷ lệ khuyết tật này của nam là 7,1%, nữ là 8,5%, thành thị là 6,4% và nông thôn là 8,4%.

Một số đặc trưng về lao động và việc làm

20. Theo khuyến cáo của Tổ chức Lao động Thế giới (ILO) và đáp ứng yêu cầu nghiên cứu thị trường lao động, cuộc Tổng điều tra lần này áp dụng khái niệm "hoạt động kinh tế hiện thời" (thay cho khái niệm "hoạt động kinh tế thường xuyên" trước đây) với thời gian quan sát là 7 ngày trước điều tra. Các chỉ tiêu về lao động trong tài liệu này được tính toán cho dân số trong độ tuổi lao động (nam: 15-59; nữ: 15-54).

Đến thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2009, cả nước có 43,9 triệu người trong độ tuổi lao động đang làm việc, chiếm 51,2% dân số; trong đó: thành thị có 12,0 triệu người (27,3%), nông thôn có 31,9 triệu người (72,7%); lao động nữ chiếm 46,6%. Đồng bằng sông Hồng là vùng có số lao động cao nhất (9,8 triệu người, chiếm 50,2% dân số của vùng), thấp nhất là Tây Nguyên (2,6 triệu người, chiếm 51,2% dân số của vùng).

Có sự dịch chuyển lao động rõ nét giữa các ngành kinh tế trong 10 năm qua. Đến nay, nhóm ngành nông-lâm-thuỷ sản (Khu vực I) chiếm 51,9% lao động, các ngành công nghiệp và xây dựng (Khu vực II) chiếm 21,5% và các ngành dịch vụ (Khu vực III) chiếm 26,5% (cơ cấu lao động của Tổng điều tra năm 1999 tương ứng là 69,4%, 14,9% và 15,7%).

21.Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động là một trong những số đo chung nhất về mức độ tham gia lực lượng lao động của dân số. Nó được định nghĩa là số phần trăm những người thuộc lực lượng lao động chiếm trong dân số.

Số liệu của Tổng điều tra năm 2009 cho thấy, trong tổng số 64,3 triệu người từ 15 tuổi trở lên có hơn ba phần tư (76,5%) tham gia lực lượng lao động. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của nam (81,8%) cao hơn của nữ (71,4%) và không đồng đều giữa các vùng.

Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động năm 2009 của dân số khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị tới 14 điểm phần trăm (80,6% so với 67,1%).

Thực trạng nhà ở của hộ dân cư

22. Ngoài các thông tin về dân số, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 còn có nhiều câu hỏi dùng để thu thập thông tin về nhà ở.

Nhà ở là một loại công trình xây dựng được dùng để ở, gồm 3 bộ phận tường, sàn và mái. Còn phòng ở cần thoả mãn hai điều kiện: (1) tường cao ít nhất 2,1 mét, và (2) diện tích sàn tối thiểu là 4 mét vuông.

Trong những hộ có nhà ở, số hộ có nhà kiên cố chiếm 46,3%, nhà bán kiên cố chiếm 37,9%, nhà thiếu kiên cố chiếm 8,0% và nhà đơn sơ chiếm 7,8%. Có sự khác biệt khá rõ về loại nhà (phản ánh chất lượng nhà) theo vùng. Đồng bằng sông Hồng là vùng có tỷ trọng nhà kiên cố cao nhất (90,4%), còn tỷ trọng này của Đồng bằng sông Cửu Long là thấp nhất (7,9%). Ngược lại, tỷ trọng nhà đơn sơ của Đồng bằng sông Cửu Long là cao nhất (22,2%) và của Đồng bằng sông Hồng là thấp nhất (0,2%).

23.Về hình thức sở hữu nhà ở, nhà riêng chiếm 92,8%, nhà thuê hoặc mượn của tư nhân chiếm 6,5%, các hình thức sở hữu còn lại đều không đáng kể. Tỷ trọng nhà riêng ở thành thị thấp hơn của nông thôn, tương ứng là 85,5% so với 96,0%.

24. Diện tích ở bình quân đầu người của cả nước là 16,7 mét vuông, trong đó con số đó của thành thị cao hơn so với của nông thôn, tương ứng là 19,2 và 15,7 mét vuông. Có khác biệt về diện tích bình quân đầu người giữa các vùng. Diện tích ở bình quân đầu người cao nhất là của Đông Nam bộ (17,4m^2) và thấp nhất là của Tây Nguyên (14,8m^2).

25. Phân loại nhà theo thời gian đưa vào sử dụng cho thấy: có 5,2% nhà được sử dụng trước năm 1975, 44,6% sử dụng trong thời gian 1975-1999, và 50,2% nhà được sử dụng từ năm 2000 đến nay. So với Tổng điều tra năm 1999, số liệu của Tổng điều tra 2009 phản ánh tốc độ xây dựng nhà ở ngày càng nhanh với số lượng và chất lượng ngày càng cao hơn.

Tuy nhiên, cũng có sự khác biệt về tỷ trọng nhà mới được xây dựng từ năm 2000 đến nay. Số liệu cho thấy tỷ trọng này cao nhất thuộc về Đồng bằng sông Cửu Long (62,7%), tiếp sau là Tây Nguyên (62,0%). Con số này thấp nhất là của Đồng bằng sông Hồng (38,5%), tiếp đến là Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (44,5%).

26.Điều kiện ở của dân cư còn được đánh giá thông qua diện tích sử dụng của ngôi nhà mà hộ đang ở. Số liệu của Tổng điều tra năm 2009 cho thấy, tỷ trọng hộ có diện tích sử dụng từ 60 m^2 trở lên trong toàn quốc chiếm tỷ trọng lớn nhất (51,5%) trong tổng số hộ có nhà ở, tỷ trọng này ở thành thị là 56,2% cao hơn so với nông thôn (49,6%). Sau mười năm, tỷ trọng hộ có diện tích sử dụng từ 60m^2 trở lên của toàn quốc đã tăng hơn gấp đôi, từ 24,2% lên 51,5%. Đây là một thành công trong nỗ lực thực hiện chiến lược phát triển nhà. Tuy nhiên, tỷ trọng hộ có nhà ở với diện tích sử dụng dưới 15 mét vuông sau 10 năm hầu như không giảm (1999: 2,2% và 2009: 2,4%).

27. Ngoài ra để đánh giá điều kiện ở của dân cư, cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở lần này cũng thu thập một số tiện nghi sinh hoạt chủ yếu của các hộ dân cư.

Kết quả cho thấy, có 86,7% hộ sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh, 54,0% hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh, 96,1% sử dụng điện lưới để thắp sáng, 86,9% hộ có ti-vi và 45,7% hộ có điện thoại cố định.

Nói chung, tỷ trọng sử dụng các tiện nghi sinh hoạt của thành thị cao hơn của nông thôn

Tổng quan:

Bức tranh chung về dân số Việt Nam mà kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 01/4/2009 tạo nên là khá phong phú và sinh động với nhiều gam màu sáng. Nó phản ánh những thành tựu to lớn của đất nước ta trong thực hiện đường lối đổi mới, các Nghị quyết Đại hội IX, Đại hội X của Đảng, chiến lược phát triển kinh tế-xã hội thời kỳ 2001-2010.

Mười năm qua không những chúng ta thực hiện khá tốt mục tiêu giảm sinh, duy trì, ổn định quy mô dân số hợp lý mà còn có những bước tiến khá khích lệ trong việc nâng cao chất lượng dân số nước nhà. Tỷ lệ biết chữ tăng nhanh hơn chu kỳ 10 năm trước và đạt 94,0% dân số từ 15 tuổi trở lên. Sự khác biệt về tỷ lệ biết chữ ngày càng được thu hẹp giữa thành thị và nông thôn, giữa nam và nữ; đến nay những khác biệt này đã được xoá bỏ trong các lứa tuổi thanh niên. Số lượng và tỷ lệ đi học các cấp phổ thông ngày càng tăng, đến nay chỉ còn 4 triệu người chưa đi học, chiếm 5% dân số từ 5 tuổi trở lên mà tập trung chủ yếu ở các độ tuổi già. Tỷ trọng nhóm dân số trẻ em giảm mạnh, tỷ lệ phụ thuộc giảm nhanh. Tuổi thọ bình quân tính từ lúc sinh tăng liên tục và đã đạt 72,8 tuổi. Dân số Việt Nam đang ở thời kỳ

cơ cấu dân số vàng. Sau mười năm, cơ cấu lao động có chuyển dịch tích cực từ khu vực I (Nông-Lâm-Thuỷ sản) sang khu vực II (Công nghiệp-Xây dựng) và khu vực III (Dịch vụ).

Trên đây mới khái quát các kết quả chính rút ra từ số liệu của cuộc Tổng điều tra, song còn rất nhiều vấn đề quan trọng và lý thú cần tiếp tục khám phá và phân tích sâu sắc hơn. Việc ban hành báo cáo phân tích về các kết quả chủ yếu và chuẩn bị ban hành các chuyên khảo phân tích sâu của cuộc Tổng điều tra sẽ góp phần đáp ứng cơ bản những yêu cầu trên. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương đề nghị các ngành, các cấp, các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước tiếp tục khai thác triệt để nguồn tư liệu quý giá này để phục vụ cho yêu cầu công tác của mình.

BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

PHỤ LỤC 1 : *Dân số chia theo giới tính và đơn vị hành chính, 1/4/2009*

Stt	Đơn vị hành chính	Tổng số			Thành thị			Nông thôn		
		Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số	Nam	Nữ
	Toàn Quốc	**85 846 997**	**42 413 143**	**43 433 854**	**25 436 896**	**12 349 995**	**13 086 901**	**60 410 101**	**30 063 148**	**30 346 953**
V1	Trung du và miền núi phía Bắc	11 053 590	5 506 608	5 546 982	1 753 711	857 945	895 766	9 299 879	4 648 663	4 651 216
V2	Đồng bằng sông Hồng	19 584 287	9 633 023	9 951 264	5 739 684	2 811 560	2 928 124	13 844 603	6 821 463	7 023 140
V3	Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	18 835 154	9 309 265	9 525 889	4 529 571	2 207 817	2 321 754	14 305 583	7 101 448	7 204 135
V4	Tây Nguyên	5 115 135	2 581 545	2 533 590	1 444 835	716 527	728 308	3 670 300	1 865 018	1 805 282
V5	Đông Nam Bộ	14 067 361	6 848 191	7 219 170	8 043 806	3 853 196	4 190 610	6 023 555	2 994 995	3 028 560
V6	Đồng bằng sông Cửu Long	17 191 470	8 534 511	8 656 959	3 925 289	1 902 950	2 022 339	13 266 181	6 631 561	6 634 620
V1	Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	14 291 290	7 048 858	7 242 432	5 009 547	2 457 821	2 551 726	9 281 743	4 591 037	4 690 706
V2	Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung	6 100 412	2 989 695	3 110 717	2 016 110	978 372	1 037 738	4 084 302	2 011 323	2 072 979
V3	Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	17 175 698	8 379 685	8 796 013	8 522 802	4 079 361	4 443 441	8 652 896	4 300 324	4 352 572
01	Thành phố Hà Nội	6 451 909	3 170 062	3 281 847	2 644 536	1 290 233	1 354 303	3 807 373	1 879 829	1 927 544
02	Tỉnh Hà Giang	724 537	362 858	361 679	84 338	41 518	42 820	640 199	321 340	318 859
04	Tỉnh Cao Bằng	507 183	251 674	255 509	85 769	41 884	43 885	421 414	209 790	211 624
06	Tỉnh Bắc Kạn	293 826	148 119	145 707	47 183	22 942	24 241	246 643	125 177	121 466
08	Tỉnh Tuyên Quang	724 821	363 108	361 713	94 227	46 402	47 825	630 594	316 706	313 888
10	Tỉnh Lào Cai	614 595	309 167	305 428	129 123	64 046	65 077	485 472	245 121	240 351
11	Tỉnh Điện Biên	490 306	245 261	245 045	73 460	36 476	36 984	416 846	208 785	208 061
12	Tỉnh Lai Châu	370 502	188 756	181 746	52 512	26 927	25 585	317 990	161 829	156 161
14	Tỉnh Sơn La	1 076 055	540 981	535 074	148 239	75 356	72 883	927 816	465 625	462 191
15	Tỉnh Yên Bái	740 397	369 481	370 916	139 374	68 427	70 947	601 023	301 054	299 969
17	Tỉnh Hòa Bình	785 217	389 675	395 542	117 561	56 941	60 620	667 656	332 734	334 922

Stt	Đơn vị hành chính	Tổng số			Thành thị			Nông thôn		
		Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số	Nam	Nữ
19	Tỉnh Thái Nguyên	1 123 116	555 371	567 745	287 265	138 474	148 791	835 851	416 897	418 954
20	Tỉnh Lạng Sơn	732 515	364 494	368 021	140 482	67 995	72 487	592 033	296 499	295 534
22	Tỉnh Quảng Ninh	1 144 988	584 452	560 536	593 786	301 051	292 735	551 202	283 401	267 801
24	Tỉnh Bắc Giang	1 554 131	770 475	783 656	145 745	71 361	74 384	1 408 386	699 114	709 272
25	Tỉnh Phú Thọ	1 316 389	647 188	669 201	208 433	99 196	109 237	1 107 956	547 992	559 964
26	Tỉnh Vĩnh Phúc	999 786	493 915	505 871	224 432	110 126	114 306	775 354	383 789	391 565
27	Tỉnh Bắc Ninh	1 024 472	502 925	521 547	240 987	117 645	123 342	783 485	385 280	398 205
30	Tỉnh Hải Dương	1 705 059	834 475	870 584	323 407	154 981	168 426	1 381 652	679 494	702 158
31	Thành phố Hải Phòng	1 837 173	910 431	926 742	846 191	418 262	427 929	990 982	492 169	498 813
33	Tỉnh Hưng Yên	1 127 903	552 598	575 305	136 208	65 523	70 685	991 695	487 075	504 620
34	Tỉnh Thái Bình	1 781 842	860 219	921 623	173 150	81 966	91 184	1 608 692	778 253	830 439
35	Tỉnh Hà Nam	784 045	382 879	401 166	74 670	36 128	38 542	709 375	346 751	362 624
36	Tỉnh Nam Định	1 828 111	894 505	933 606	321 511	154 673	166 838	1 506 600	739 832	766 768
37	Tỉnh Ninh Bình	898 999	446 562	452 437	160 806	80 972	79 834	738 193	365 590	372 603
38	Tỉnh Thanh Hoá	3 400 595	1 680 018	1 720 577	352 594	172 749	179 845	3 048 001	1 507 269	1 540 732
40	Tỉnh Nghệ An	2 912 041	1 445 533	1 466 508	374 797	183 059	191 738	2 537 244	1 262 474	1 274 770
42	Tỉnh Hà Tĩnh	1 227 038	606 713	620 325	183 355	88 890	94 465	1 043 683	517 823	525 860
44	Tỉnh Quảng Bình	844 893	422 800	422 093	127 005	62 401	64 604	717 888	360 399	357 489
45	Tỉnh Quảng Trị	598 324	295 292	303 032	163 867	80 258	83 609	434 457	215 034	219 423
46	Tỉnh Thừa Thiên Huế	1 087 420	537 293	550 127	391 112	189 391	201 721	696 308	347 902	348 406
48	Thành phố Đà Nẵng	887 435	434 108	453 327	770 911	376 291	394 620	116 524	57 817	58 707
49	Tỉnh Quảng Nam	1 422 319	693 829	728 490	263 898	127 613	136 285	1 158 421	566 216	592 205

Stt	Đơn vị hành chính	Tổng số			Thành thị			Nông thôn		
		Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số	Nam	Nữ
51	Tỉnh Quảng Ngãi	1 216 773	599 841	616 932	177 928	86 109	91 819	1 038 845	513 732	525 113
52	Tỉnh Bình Định	1 486 465	724 624	761 841	412 261	198 968	213 293	1 074 204	525 656	548 548
54	Tỉnh Phú Yên	862 231	431 558	430 673	188 025	92 577	95 448	674 206	338 981	335 225
56	Tỉnh Khánh Hoà	1 157 604	571 632	585 972	461 516	223 478	238 038	696 088	348 154	347 934
58	Tỉnh Ninh Thuận	564 993	281 579	283 414	203 782	100 230	103 552	361 211	181 349	179 862
60	Tỉnh Bình Thuận	1 167 023	584 445	582 578	458 520	225 803	232 717	708 503	358 642	349 861
62	Tỉnh Kon Tum	430 133	217 811	212 322	144 166	71 967	72 199	285 967	145 844	140 123
64	Tỉnh Gia Lai	1 274 412	639 831	634 581	364 064	181 432	182 632	910 348	458 399	451 949
66	Tỉnh Đắk Lắk	1 733 624	875 226	858 398	415 881	206 657	209 224	1 317 743	668 569	649 174
67	Tỉnh Đắk Nông	489 392	254 319	235 073	72 154	37 593	34 561	417 238	216 726	200 512
68	Tỉnh Lâm Đồng	1 187 574	594 358	593 216	448 570	218 878	229 692	739 004	375 480	363 524
70	Tỉnh Bình Phước	873 598	442 471	431 127	144 242	71 335	72 907	729 356	371 136	358 220
72	Tỉnh Tây Ninh	1 066 513	530 648	535 865	166 227	80 513	85 714	900 286	450 135	450 151
74	Tỉnh Bình Dương	1 481 550	709 930	771 620	443 245	209 177	234 068	1 038 305	500 753	537 552
75	Tỉnh Đồng Nai	2 486 154	1 231 279	1 254 875	824 823	399 524	425 299	1 661 331	831 755	829 576
77	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	996 682	498 129	498 553	496 885	244 491	252 394	499 797	253 638	246 159
79	Thành phố Hồ Chí Minh	7 162 864	3 435 734	3 727 130	5 968 384	2 848 156	3 120 228	1 194 480	587 578	606 902
80	Tỉnh Long An	1 436 066	711 073	724 993	250 030	118 802	131 228	1 186 036	592 271	593 765
82	Tỉnh Tiền Giang	1 672 271	820 421	851 850	228 966	107 363	121 603	1 443 305	713 058	730 247
83	Tỉnh Bến Tre	1 255 946	616 174	639 772	124 314	58 746	65 568	1 131 632	557 428	574 204
84	Tỉnh Trà Vinh	1 003 012	494 054	508 958	153 696	73 918	79 778	849 316	420 136	429 180
86	Tỉnh Vĩnh Long	1 024 707	504 386	520 321	156 800	74 939	81 861	867 907	429 447	438 460

Stt	Đơn vị hành chính	Tổng số			Thành thị			Nông thôn		
		Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số	Nam	Nữ	Tổng số	Nam	Nữ
87	Tỉnh Đồng Tháp	1 666 467	830 581	835 886	295 959	142 679	153 280	1 370 508	687 902	682 606
89	Tỉnh An Giang	2 142 709	1 064 483	1 078 226	608 273	295 407	312 866	1 534 436	769 076	765 360
91	Tỉnh Kiên Giang	1 688 248	848 207	840 041	455 020	224 397	230 623	1 233 228	623 810	609 418
92	Thành phố Cần Thơ	1 188 435	589 606	598 829	783 122	384 282	398 840	405 313	205 324	199 989
93	Tỉnh Hậu Giang	757 300	380 549	376 751	148 313	73 212	75 101	608 987	307 337	301 650
94	Tỉnh Sóc Trăng	1 292 853	642 586	650 267	250 573	120 535	130 038	1 042 280	522 051	520 229
95	Tỉnh Bạc Liêu	856 518	425 785	430 733	223 959	108 742	115 217	632 559	317 043	315 516
96	Tỉnh Cà Mau	1 206 938	606 606	600 332	246 264	119 928	126 336	960 674	486 678	473 996

PHỤ LỤC 2: Dân số chia theo dân tộc, 1/4/2009

Đơn vị tính: người

Dân tộc	Tổng số	Nam	Nữ	Dân tộc	Tổng số	Nam	Nữ
Tổng số	**85 846 997**	**42 413 143**	**43 433 854**	29. Giẻ-Triêng	50 962	25 112	25 850
1. Kinh	73 594 341	36 304 063	37 290 278	30. Co	33 817	17 266	16 551
2. Tày	1 626 392	808 079	818 313	31. Chơ Ro	26 855	13 288	13 567
3. Thái	1 550 423	772 605	777 818	32. Xinh Mun	23 278	11 669	11 609
4. Mường	1 268 963	630 983	637 980	33. Hà Nhì	21 725	10 923	10 802
5. Khmer	1 260 640	617 650	642 990	34. Chu Ru	19 314	9 381	9 933
6. Hoa	823 071	421 883	401 188	35. Lào	14 928	7 535	7 393
7. Nùng	968 800	485 579	483 221	36. La Chí	13 158	6 501	6 657
8. Mông	1 068 189	537 423	530 766	37. Kháng	13 840	6 862	6 978
9. Dao	751 067	377 185	373 882	38. Phù Lá	10 944	5 535	5 409
10. Gia Rai	411 275	201 905	209 370	39. La Hủ	9 651	4 940	4 711
11. Ê Đê	331 194	163 060	168 134	40. La Ha	8 177	4 052	4 125
12. Ba Na	227 716	113 696	114 020	41. Pà Thẻn	6 811	3 431	3 380
13. Sán Chay	169 410	85 651	83 759	42. Lự	5 601	2 825	2 776
14. Chăm	161 729	80 406	81 323	43. Ngái	1 035	557	478
15. Cơ Ho	166 112	82 056	84 056	44. Chứt	6 022	3 016	3 006
16. Xơ Đăng	169 501	84 322	85 179	45. Lô Lô	4 541	2 218	2 323
17. Sán Dìu	146 821	74 800	72 021	46. Mảng	3 700	1 868	1 832
18. Hrê	127 420	63 012	64 408	47. Cơ Lao	2 636	1 344	1 292
19. Raglay	122 245	59 916	62 329	48. Bố Y	2 273	1 170	1 103
20. Mnông	102 741	50 021	52 720	49. Cống	2 029	1 009	1 020
21. Thổ	74 458	37 488	36 970	50. Si La	709	371	338
22. Xtiêng	85 436	41 359	44 077	51. Pu Péo	687	352	335
23. Khơ mú	72 929	36 515	36 414	52. Rơ Măm	436	227	209
24. Bru-Vân Kiều	74 506	37 426	37 080	53. Brâu	397	196	201
25. Cơ Tu	61 588	31 038	30 550	54. Ơ Đu	376	219	157
26. Giáy	58 617	29 799	28 818	55. Người nước ngoài	2 134	1 250	884
27. Tà Ôi	43 886	21 985	21 901	56. Không xác định	86	32	54
28. Mạ	41 405	20 089	21 316				

PHỤ LỤC 3: Dân số chia theo tôn giáo, 1/4/2009

Đơn vị tính: người

Tôn giáo	Tổng số	Nam	Nữ
Tổng số	**85 846 997**	**42 413 143**	**43 433 854**
1. Phật giáo	6 802 318	3 172 576	3 629 742
2. Công giáo	5 677 086	2 783 619	2 893 467
3. Phật giáo Hòa Hảo	1 433 252	717 191	716 061
4. Hồi Giáo	75 268	37 445	37 823
5. Cao Đài	807 915	384 204	423 711
6. Minh Sư Đạo	709	328	381
7. Minh Lý Đạo	366	173	193
8. Tin Lành	734 168	354 696	379 472
9. Tịnh độ cư sĩ Phật hội Việt Nam	11 093	5 295	5 798
10. Đạo tứ ân hiếu nghĩa	41 280	20 633	20 647
11. Bửu Sơn Kỳ Hương	10 824	5 510	5 314
12. Ba Ha'i	731	361	370
13. Bà La Môn	56 427	27 791	28 636
20. Không tôn giáo	70 193 377	34 902 253	35 291 124
99. Không xác định	2 183	1 068	1 115

PHỤ LỤC 17D: Thông cáo báo chí về Hội nghị công bố kết quả điều tra toàn bộ và tổng kết Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, Hà Nội ngày 21/7/2010

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2009: CÔNG BỐ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA TOÀN BỘ

Dân số Việt Nam đạt 85,847 triệu người. Dân số Việt Nam đang ở thời kỳ "Cơ cấu dân số vàng". Diện tích ở bình quân đầu người đạt 16,7m^2.

HÀ NỘI, ngày 21 tháng 7 năm 2010 - Kết quả điều tra toàn bộ của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà năm 2009 đã được Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương công bố tại hội nghị được tổ chức sáng nay tại Hà Nội, tính đến 0 giờ ngày 1/4/2009, tổng số dân của Việt Nam là 85.846.997 người, bao gồm 42.413.143 nam (chiếm 49,4%) và 43.433.854 nữ (chiếm 50,6%).

Sau 10 năm dân số nước ta tăng thêm 9,523 triệu người, bình quân mỗi năm tăng 952 nghìn người. Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm giữa hai cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 1999 và 2009 là 1,2%/năm, so với thời kỳ 10 năm trước (1989-1999), mỗi năm tăng gần 1.200 nghìn người (với tỷ lệ tăng hàng năm là 1,7%/năm). Kết quả này cũng khẳng định là mức sinh của Việt Nam đã liên tục giảm trong 10 năm qua, phù hợp với các số liệu thống kê từ các cuộc điều tra Biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình hàng năm của Tổng cục Thống kê.

Theo số liệu mới hiện có, dân cư khu vực thành thị là 25.436.896 người (29,6%) và 60.410.101 người (70,4%) thuộc khu vực nông thôn. Trong thời kỳ 1999-2009, dân số thành thị đã tăng lên với tỷ lệ tăng bình quân là 3,4%/năm, trong khi ở khu vực nông thôn tỷ lệ tăng dân số chỉ có 0,4%/năm. Dân số khu vực thành thị tăng nhanh chủ yếu là do di dân và quá trình đô thị hoá.

Có 3 đơn vị cấp tỉnh có quy mô dân số lớn hơn 3 triệu người. Đó là, thành phố Hồ Chí Minh (7,163 triệu người), thành phố Hà Nội (6,452 triệu người) và tỉnh Thanh Hóa (3,401 triệu người).

Trong Tổng điều tra 2009 đã thu thập đầy đủ tất cả 54 dân tộc anh em sinh sống trên lãnh thổ của cả nước, trong đó dân tộc Kinh có 73,594 triệu người (chiếm 85,7%) và các dân tộc còn lại có 12,253 triệu người (chiếm 14,3%). Mức tăng dân số của các dân tộc ít người cao hơn so với mức tăng bình quân của cả nước (1,6% so với 1,2%).

Thông tin về tôn giáo cũng được thu thập trong Tổng điều tra. So với Tổng điều tra năm 1999, số lượng người thuộc các tôn giáo năm 2009 tăng 932 nghìn người, có 15,672 triệu người tin và theo tôn giáo một tôn giáo bất kỳ. Điều này phản ánh chính sách tự do tôn giáo của Đảng và nhà nước ta.

Sau 10 năm, tỷ lệ biết chữ của dân số từ 15 tuổi trở lên đã tăng 3,7 điểm phần trăm (từ 90,3% năm 1999 lên 94,0% năm 2009), tỷ lệ này của nữ tăng 4,9 điểm phần trăm trong khi của nam chỉ tăng 2,2 điểm phần trăm, làm cho chênh lệch về tỷ lệ biết chữ giữa nam và nữ được thu hẹp đáng kể. Địa phương có tỷ lệ biết chữ cao nhất là Hà Nội, Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh (97,9%) và thấp nhất là Lai Châu (59,4%). Các con số trên cho thấy, tỷ lệ biết chữ không những tăng khá nhanh, mà còn thể hiện những thành công của công tác bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục của nước ta.

Theo kết quả của Tổng điều tra năm 2009, chỉ có chưa đến 4 triệu người chưa từng đi học, chiếm 5,0% tổng dân số 5 tuổi trở lên, giảm 5 điểm phần trăm so với con số đó của Tổng điều tra 1999 (6,9 triệu người, chiếm 10,0% dân số 5 tuổi trở lên). Điều này cho thấy những cố gắng đáng kể của ngành giáo dục trong việc giảm thiểu số lượng người không đến trường.

Kết quả toàn bộ cũng cho thấy, cuộc sống của người dân Việt Nam đã có sự cải thiện đáng kể. Trong những hộ có nhà ở, số hộ có nhà kiên cố chiếm 46,3%, nhà bán kiên cố chiếm 37,9%, nhà thiếu kiên cố chiếm 8,0% và nhà đơn sơ chiếm 7,8%. Diện tích ở bình quân đầu người của cả nước là 16,7 mét vuông, trong đó của thành thị cao gần gấp rưỡi của nông thôn, tương ứng là 19,2 và 15,7 mét vuông. Sau 10 năm, tỷ trọng hộ có diện tích sử dụng lớn (từ $60m^2$ trở lên) của toàn quốc đã tăng hơn gấp đôi, từ 24,2% lên 51,5%. Đây là một thành công trong nỗ lực thực hiện chiến lược phát triển nhà ở nhằm tăng diện tích ở bình quân. Tuy nhiên, tỷ trọng hộ có nhà ở với diện tích sử dụng dưới 15 mét vuông sau 10 năm hầu như không giảm (1999: 2,2% và 2009: 2,4%).

Bức tranh chung về dân số Việt Nam mà kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở 01/4/2009 tạo nên là khá phong phú và sinh động với nhiều gam màu sáng. Nó phản ánh đúng những thành tựu to lớn của đất nước ta trong thực hiện đường lối đổi mới, các Nghị quyết Đại hội IX, Đại hội X của Đảng, chiến lược phát triển kinh tế-xã hội thời kỳ 2001-2010.

Tại Hội nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng kêu gọi các cơ quan chính phủ, các địa phương, các cơ quan tài trợ quốc tế, các tổ chức xã hội dân sự, các viện nghiên cứu và các cơ quan báo chí sử dụng toàn bộ kết quả của cuộc Tổng điều tra cho việc xây dựng kế hoạch phát triển của đất nước.

Nếu cần thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng liên hệ:

Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Số 6B Hoàng Diệu, Hà Nội

E-mail: dansolaodong@gso.gov.vn

ĐT: (84-4) 38 230 100 – 38 463 462

PHỤ LỤC 17E: Thông cáo báo chí về Hội nghị Công bố các ấn phẩm của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, Hà nội ngày 14/6/2011

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Số liệu dân số chính xác – cơ sở quan trọng để đánh giá tiến độ đạt được các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ và hỗ trợ việc xây dựng các chính sách và chiến lược phát triển đúng đắn và phù hợp.

HÀ NỘI, 14/6/2011 – Tại Hội nghị công bố các ấn phẩm Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 tổ chức ngày hôm nay tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê và Liên Hợp Quốc tại Việt Nam nhấn mạnh tầm quan trọng của các số liệu dân số sẵn có, chính xác và kịp thời trong việc định hướng xây dựng và hoạch định các chính sách phát triển dựa trên bằng chứng.

Trong phát biểu khai mạc hội nghị, Ông Đỗ Thức, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê có đề cập: "*Với sự hỗ trợ của Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, Tổng cục Thống kê đã tiến hành biên soạn và công bố hàng loạt các ấn phẩm về kết quả của Tổng điều tra, đặc biệt đã thực hiện các phân tích sâu một số chủ đề quan trọng từ số liệu mẫu của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 như: Mức sinh và mức chết, Dự báo dân số, Cơ cấu tuổi - giới tính và tình trạng hôn nhân của dân số, Di cư và Đô thị hóa, Giáo dục và Tỷ số giới tính khi sinh. Một số báo cáo và chuyên khảo về những vấn đề này đã được xuất bản nhằm cung cấp thông tin về tình hình hiện tại cũng như các gợi ý chính sách. Những kết quả này đã bổ sung vào các thông tin và bằng chứng hiện có phục vụ cho việc lập kế hoạch và xây dựng chính sách một cách có hiệu quả*".

Theo dự báo dân số 2009-2049 của Tổng cục Thống kê, với phương án mức sinh trung bình, dân số Việt Nam sẽ đạt 95,3 triệu người vào năm 2019;102,7 triệu người vào năm 2029 và 108,7 triệu người vào năm 2049.

Kết quả phân tích về giáo dục cho thấy, tỷ lệ biết đọc, biết viết của dân số từ 15 tuổi trở lên là 93,5 phần trăm – tăng 3,2 phần trăm so với năm 1999. Sự khác biệt giữa nam và nữ về tỷ lệ biết đọc, biết viết có xu hướng giảm mạnh - từ 10 phần trăm vào năm 1989 xuống còn 4,4 phần trăm vào năm 2009. Những con số này cho thấy sự tiến bộ đáng kể trong việc đạt được Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ về tăng cường bình đẳng giới.

Tuy vậy, tỷ lệ biết đọc, biết viết của một số dân tộc như Thái, Khme, và Mông vẫn còn tương đối thấp so với mức trung bình của cả nước. Tỷ lệ dân số 5-18 tuổi hiện không đi học của một số tỉnh phía Nam còn cao như: Bình Dương (30,8%), Bạc Liêu (26,2%), An Giang (25,9%) và Sóc Trăng (25,8%), đang là thách thức trong vấn đề nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển nguồn nhân lực của nước ta.

Ông Bruce Campbell, Quyền Điều phối viên Thường trú Liên Hợp Quốc tại Việt Nam nhấn mạnh: "*Bên cạnh việc tăng cường phổ cập giáo dục thì chất lượng giáo dục ngày càng trở thành một vấn đề hết sức quan trọng trong vài thập niên tới, đặc biệt trong việc duy trì tính bền vững của tăng trưởng kinh tế - xã hội của Việt Nam. Hiện nay, Việt Nam đã trở thành nước có mức thu nhập trung bình, đầu tư cho giáo dục để đáp ứng được những yêu cầu đặc biệt của thị trường trong nước và toàn cầu là hết sức cần thiết*".

Cũng theo kết quả phân tích sâu về cấu trúc tuổi và giới tính, Việt Nam đã bước vào thời kỳ "*cơ cấu dân số vàng*" có nghĩa là cứ hai hoặc hơn hai người trong độ tuổi 15-64 gánh một người trong độ tuổi phụ thuộc. Thời kỳ này bắt đầu vào khoảng năm 2007 và theo dự báo thì sẽ kết thúc vào năm 2041. Thời kỳ này chỉ xảy ra duy nhất một lần trong lịch sử nhân khẩu học của mỗi quốc gia và sẽ đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội của Việt Nam nếu Chính phủ có những chính sách phát triển nguồn nhân lực và tạo cơ hội việc làm phù hợp, đặc biệt chú trọng đến lực lượng lao động trẻ.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng bắt đầu bước vào thời kỳ già hoá dân số. Chỉ số già hóa được tính bằng số người từ 60 tuổi trở lên trên 100 trẻ em dưới 15 tuổi - đã tăng từ 16,6 vào năm 1979 lên 35,5 vào năm 2009. Theo dự báo, chỉ số này sẽ tăng nhanh hơn trong vài thập kỷ tới và sẽ lên đến khoảng 100 khi mà cứ một trẻ em thì có một người già vào khoảng năm 2035, và vào năm 2049 chỉ số này sẽ là 141 tức là cứ 100 trẻ em thì có 141 người già. Như vậy, cùng với cơ hội cơ cấu dân số vàng, Việt Nam cũng cần có những ứng phó với già hoá dân số để đảm bảo an sinh xã hội và chăm sóc y tế cho người già, đặc biệt người già trong nhóm hộ nghèo, người già tàn tật ở các vùng nông thôn.

Trong khi tỷ số giới tính trong nhóm dân số cao tuổi (60 tuổi trở lên) khá thấp (67,8) do mức tử vong của nam cao hơn và do hậu quả của các cuộc chiến tranh đã qua. Tỷ số giới tính của dân số trẻ em dưới 15 tuổi khá cao (106,9). Số liệu cho thấy có hiện tượng mất cân bằng giới tính khi sinh (nhiều bé trai hơn bé gái) và có thể dẫn đến một số thách thức về kinh tế, văn hóa và xã hội.

Kết quả phân tích sâu số liệu điều tra về di cư cũng cho thấy trong giai đoạn 2004-2009 có 6,6 triệu người di cư trong và ngoài tỉnh ở Việt Nam, đa số người di cư là thanh niên, trong đó nữ di cư tăng đáng kể. Di cư trong nước là động lực cho phát triển, nhưng cũng là một thách thức cho đất nước. Di cư từ nông thôn ra thành thị đang tạo nhiều áp lực đối với vấn đề cơ sở hạ tầng đô thị và nhu cầu các dịch vụ xã hội hiện nay, bên cạnh đó, người già và trẻ em ở quê nhà thường dễ bị tổn thương hơn.

Kết quả của Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 sẽ đóng một vai trò quan trọng trong công tác lập kế hoạch và xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, số liệu Tổng điều tra cũng hết sức cần thiết trong việc theo dõi sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, các vùng địa lý và các nhóm dân số dễ bị tổn thương, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số, cũng như đạt được các mục đích và mục tiêu đề ra trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, kế hoạch và các chiến lược ngành và đánh giá tiến độ đạt được các Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ.

Để biết thêm thông tin xin liên hệ:

Vụ Thống kê Dân số và Lao động, Tổng cục Thống kê
6B, Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 38 230 100, 38 433 353

Chị Nguyễn Thị Hồng Thanh
Phòng Truyền thông Một Liên Hợp Quốc
Điện thoại: (84-4) 38 236 632 – máy lẻ: 117
Di động: 091 309 3363
Email: tnguyen@unfpa.org